Năm thứ nhất. — Số 23 Thứ sáu, 14 Novembre 1941

TRI TÂN

TẠP - CHÍ VĂN - HÓA RA HẰNG TUẦN

TRONG SỐ NÀY :

Sơn-tinh, Thủy-tinh hay Sơn-tinh Thủy-tinh ? *Ứng-Hoè Nguyễn-văn-Tố*
Một việc cần nên khuyến khích : đọc sách, báo *Nhật-Nham*
Ý-nghĩa việc thiên đô của Lý-thái-Tổ trong lịch-sử Việt-nam *Nguyễn huy-Tưởng*
Một vị danh-thần dưới triều Minh-Mạnh *Lịch-Viên*
Quốc-sử chép đúng *Kiều-Thanh-Quế*
Những ngày lịch-sử trong tháng Novembre *Long-Điền Nguyễn văn-Minh*
Phò-mã Nguyễn tri-Lâm *Tiên-Đàm*
Huyền-Trân công-chúa (II) *Nguyễn Đan-Tâm*
Ông Tín (1768-1799) *Nguyễn Triệu*
Dẫn giải và chú thích bài văn tế trận vong tướng-sĩ *Nhật-Nham*
Nhân bài diễn văn của trung tá Ducoroy... *Hoa-nam Phan-kỳ-Nông*
Cuộc Nga, Đức chiến-tranh khi mùa rét tới *Nhật-Nham*
Phong-dao chia loại và giải nghĩa (IV) *H. B.*
Việt-nam văn-học sử (XII) *Hoa-Bằng*

REVUE CULTURELLE HEBDOMADAIRE

Giá báo: 1 năm 6$80 – 6 tháng 3$50 – 3 tháng 1$80

Mỗi số 15 xu

TÒA BÁO ở số nhà 195, phố Hàng Bông — Hanoi

Trước tình-hình xã-hội hiện-thời

Một việc cần nên khuyến-khích : đọc sách, báo

NHẬT-NHAM

IT lâu nay, phần đông người mình những việc bồi-bổ tinh-thần : Cán cân xã-hội lệch hẳn về bên vật-chất !

Đứng trước trào-lưu xô-đẩy, nhiều thanh-niên mải-miết đi vào con đường trụy-lạc, ngày đêm lăn-lộn chốn yên-hoa, nơi đổ-bác, lấy cuộc truy hoan làm trọng, còn nghĩa-vụ coi khinh ! Trừ ít người hoặc hiếu-học, hoặc vì sinh-kế, vì bổn-phận, phải dùng đến sách-vở báo-chí, còn đa-số thời thường coi văn-chương như thù-địch, bút giấy tựa chông gai ! Trong số ấy hoặc-giả cũng có kẻ ham-mê đọc sách, nhưng nào phải sách có ích cho kiến-văn, cho tâm-thân họ, mà đều là những sách nhằm giúp họ mơ-màng trước làn khói nha-phiến, ủy-mị theo tiếng gọi của Dâm-thần ! Rồi từ chỗ rẽ vào đường trụy-lạc đến những kết-cục ác-liệt, thực chẳng bao xa !

Gần đây, những trường-hợp vì quá chơi mà xảy ra mọi việc như tự-sát, tù-tội v. v. không phải là ít !

Chính-phủ đã hiểu thấu cái nguy-cơ do vật-chất gây ra đó, cho nên gần nay rất chú-trọng đến việc bổ-cứu phần tinh-thần cho đồng-bào ta.

Những dâm-thư đã gieo cái mầm độc trong quần-chúng đều bị tịch-thu và thiêu-hủy. Các cuộc đổ-bác cũng có lệnh cấm-chấp. Các tiệm khiêu-vũ lần lượt đều phải đóng cửa và thuốc phiện tăng giá đã « ép » một số đông phải « ly-dị » cùng ả phù-dung.

Ngoài ra, Chính-phủ lại mở-mang nền thể-dục cho thanh-niên ta và khuyến-khích về mặt văn-chương tư-tưởng.

Một cơ-hội cho những ai đã nhầm bước có thể trở về đương chính ! Một dịp tốt cho những nhà văn chân-chính nên đem tài ra làm sách, viết báo đứng-đắn.

Vẫn biết hiện-tình kinh-tế gặp nhiều bước éo-le khó cung đủ giấy cho việc ấn-loát, lại thêm nhân-công vật-liệu đắt-đỏ, sách-vở báo-chí đều theo thời-giá mà lên cao, làm cho các nhà văn hay các nhà xuất-bản phải e-ngại trong khi mọi người đương nặng-lòng lo cuộc mưu-sinh, giữa thời-kỳ « gạo châu củi quế » này.

Song, đắt là đắt chung cả các giá sinh-hoạt, chứ có riêng gì sách vở báo chí. Vả kinh-tế liên-lạc, tài-hóa lưu-thông, sự mậu dịch vẫn phát-đạt như trước.

Vậy thì những sách xuất-bản tiêu-thụ được nhiều hay ít là tùy theo giá-trị tác-phẩm và cách quảng-cáo, chứ không riêng vì vấn-đề kinh-tế mà phải đình-trệ.

Một quyển sách in ra dù văn-chương xuất-sắc đến đâu, dù ấn-loát mỹ-thuật đến đâu, đem bày trong tủ kính các thư-quán, nếu không nhờ cách quảng-cáo khôn-khéo, cũng chỉ để phô tên tác-giả và bìa vẽ cho khách qua đường dừng chân đứng ngắm, rồi theo thời-gian, sẽ đổi màu-sắc dưới ánh sáng mặt trời.

In sách đã là việc cần, mà vấn-đề tiêu-thụ lại không phải không quan-trọng.

Các tác-giả, các nhà xuất-bản, các ấn-quán, các thư-điếm, các nhà trí-thức đều cần phải tìm cách bênh-vực lấy quyền-lợi của nghề-nghiệp mình : nâng cao giá-trị quyển sách, làm cho công-chúng hiểu cái công-phu trước-thuật, tạo nên sự hi-sinh của công-chúng về tiền-tài cũng như về thì-giờ để mua sách và đọc sách...

Điều cốt-yếu là xếp đặt quyển sách cho có vẻ mỹ-thuật, bỏ hết những cái ấu-trĩ, rườm-rà, vô ích. Thế đã là tiến được một bước dài trên đường ấn-loát.

Tại các thư-điếm, nên dùng những người bán sách có học-vấn, có lịch-duyệt, có khôn-ngoan lanh-lợi, không những chỉ việc đón khách mua hàng, mà lại còn biết lột cái tinh-thần trong các tác-phẩm để giới-thiệu người đọc ; chỉ dẫn cho khách hàng những điều cần-thiết trong việc lựa-chọn các sách.

Với những nhời giới-thiệu ấy, số mua của khách hàng sẽ tăng một cách không ngờ.

Lại cần gây cho công-chúng cách làm quà bằng sách trong cuộc xã-giao. Thường-nhật ta hay biếu nhau các thực-phẩm. Trong dịp khánh-hỉ, ta hay mừng nhau câu đối, rượu, chè hoặc đồ dùng. Các món đó tuy là những vật tỏ tình dễ thấy, nhưng không khỏi có tính-cách « sáo » và « thường », có khi lại phiền-phức và bất-tiện nữa. Chi bằng biếu nhau các sách ! báo, vừa sạch-sẽ, cao-thượng, nhã-nhặn, lại vừa để cho nhau một cái kỷ-niệm vĩnh-viễn, sâu-xa.

Người Anh nhân dịp lễ Noel, thường gửi tặng các bạn phiếu mua sách. Phiếu để trắng, tùy sở-thích, sở trường, bạn tự điền tên sách mình ưa đọc, rồi đem ra các thư điếm mà mua. Đối với những bạn cùng chung một tâm tính hay họ đã biết trước cái sở thích của bạn rồi, họ điền ngay tên sách trước khi gửi phiếu tặng.

Bây giờ chữ quốc-ngữ đã được truyền bá rất rộng. Từ chợ đến quê, từ đồng bằng đến rừng núi, quốc-ngữ rất phổ thông. Chỉ tiếc vì nhiều nơi đường giao thông không tiện lợi, nên sách vở báo-chí rất hiếm. Những giờ nhàn rỗi dân quê ít được giải trí bằng sách, báo vì không có thư viện.

Mấy năm trước đây, tại một vài tỉnh như Bắc giang, Hưng yên, nhờ được các nhà đương đạo săn sóc đến việc mở mang trí thức cho dân, nên nhiều xã đã kết được cái « thai » thư viện. Mỗi khi có một

Xem tiếp trang 23

Sơn-tinh Thủy-tinh hay Sơn-tinh Thủy-tinh ?

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

HẾT tết trung-thu ai cũng bảo : năm nay thoát nạn mưa lụt ! Ngờ đâu vài hôm sau — từ ngày 12 Octobre đến 2 Novembre, phải mấy trận mưa, tràn ngập ba tỉnh Trung-kỳ (là Thanh-hóa, Nghệ-an, Hà-tĩnh) và làm hỏng mất ít lúa ở Bắc-kỳ, khiến những người tin thuyết vận-mệnh nhớ đến câu chuyện Sơn-tinh và Thủy-tinh !

Câu chuyện ấy chép trong những quyển *Lĩnh-nam trích quái liệt truyện* (Sách của Võ-Quỳnh, tiến-sĩ khoa mậu-tuất, năm Hồng-đức thứ chín, tức là năm 1478, bản viết của trường Bác-cổ, số A 2107, tờ 14 a-16 b), *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* (ngoại kỷ, quyển 1, tờ 4 a-5 b), *Đại-Việt sử-ký tiền-biên* (ngoại-kỷ, quyển 1, tờ 7 b-8 a) *Việt-sử tiêu án* (của Ngô-thời-Sĩ, bản viết của Bác-cổ, số A 11, quyển 1, tờ 5 b 6 b *Đại-Nam quốc-sử diễn ca* bản in ở Tri-trung-đường, năm Tự-đức 23, tức là năm 1870, tờ 4 a-4 b) v.v.

Theo quyển *Đại-Việt sử ký toàn thư* thì « lúc bấy giờ về đời cuối cùng Lạc-vương (thường viết là Hùng-vương thứ 18), vua có con gái là Mỵ-nương, người đẹp-đẽ sáng-sủa. Thục-vương nghe thấy, sai sứ cầu hôn. Vua muốn gả, nhưng Lạc-hầu ngăn nói rằng : « Kẻ kia muốn mưu cướp nước ta, lấy hôn-nhân làm cớ,» Thục-vương vì thế hàm oán. Lạc-vương muốn cầu người có thể sánh đôi, bảo quần thần : « Mỵ-nương là giống tiên, ai gồm đủ tài đức mới có thể làm rể. » Chợt thấy hai người tự ngoài đến bái kiến cầu thân. Vua lấy làm lạ, hỏi thì một người tâu là Sơn-tinh (!) một người tâu là thủy-tinh (!) đều ở trong cõi, nghe minh-vương có thánh-nữ, dám lại thỉnh mệnh. Vua nói : « Ta có một con, nhẽ nào gả cho hai người được ! » Bèn ước ngày mai ai đủ đồ sánh-lễ, lại trước thì gả cho. Hai người vâng mệnh, lạy tạ trở về. Sáng hôm sau Sơn-tinh đem châu báu, vàng bạc, sơn cầm dã thú, mọi vật lại hiến. Vua như ước gả cho. Sơn-tinh đón Mỵ-nương về ở trên đỉnh núi Tản-viên.

« Thủy-tinh cũng đem đồ sánh-lễ, nhưng đến sau, hận-hối không kịp, bèn dấy mây làm mưa, dâng nước đầy dẫy, đem loài thủy-tộc đuổi theo. Lạc-vương cùng Sơn-tinh dương lưới sắt, chắn ngang dòng sông ở phía trên Từ-liêm. Thủy-tinh đi con sông khác, tự Lý-nhân vào chân núi Quảng-oai, theo bờ lên cửa sông Hát, ra sông nhớn, vào Đà-giang, đánh Tản-viên, chỗ này chỗ khác đào làm vực làm đầm, chứa nước để mưu đánh úp.

« Nhưng Sơn-tinh là thần-hóa, gọi những người Man đan tre làm phên chắn nước và đem nỏ ra bắn. Những loài có vẩy bị tên lánh chạy, không làm gì nổi.

« Tục truyền Sơn-tinh Thủy-tinh từ đấy về sau là cái thù đời đời, hàng năm nước to, thường đánh nhau... Còn Mỵ-nương đã gả cho Sơn-tinh, Thục vương phẫn oán, dặn con cháu làm tiêu-diệt Văn-lang mà chiếm lấy nước : đến đời cháu là Thục Phán có dũng-lược, bèn đánh lấy được. »

Sử-thần Ngô-sĩ-Liên bàn rằng : «Đời Hùng-vương (chữa làm Lạc-vương) đặt tước hầu, dựng bờ cõi, chia nước làm mười lăm bộ ; ngoài 15 bộ đều có trưởng tá, mọi con lấy thứ-tự giao cho cai-trị. Còn 50 con theo mẹ về núi, lại chẳng như thế sao ? Bởi mẹ làm quân-trưởng, mọi con đều chủ mỗi người một phương : nay xem những tù-trưởng ở Mán gọi là « nam-phụ-đạo » 男父道, « nữ phụ-đạo » 女父道 (triều nay đổi làm phụ-đạo 輔導) nhẽ hoặc thế chăng. Còn việc Sơn-tinh Thủy-tinh là việc kỳ quái không thực ; tin sách chẳng bằng không có sách, hãy chép chuyện cũ để truyền sự ngờ. »

Năm 1903, ông cố Souvignet làm quyển *Variétés tonkinoises* bàn rằng : có lẽ gốc chuyện Sơn-tinh với Thủy-tinh là do chuyện một dân tộc ở cao-nguyên xung-đột với mọt bộ-lạc ở cù-lao đến ngụ-cư ở đất Văn-lang, tức là nhắc lại rằng dân Việt-nam là dân tạp-chủng.

Năm 1937, ông Madrolle đăng trong *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient* một bài đề là *Le Tonkin ancien* cũng theo cái thuyết ấy ; ông nói rằng không phải Sơn *tinh* và Thủy *tinh*, chính là Sơn-*tinh* và Thủy-*tinh* (tính là họ) nhưng ông không nói rõ ông căn-cứ vào đâu.

Vậy mong rằng trong những bạn đọc báo, có ai biết những chuyện cổ-tích vùng Nam-định (như Hải-hậu, Giao-thủy, v v.) xin cho biết để có tài-liệu mà tìm cái gốc-tích những người ở miền núi cùng những người ở miền bể đã đến khai khẩn đất Văn-lang.

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

SỬ-HỌC LUẬN ĐÀN

Bản-chí mở ra mục này để hoan-nghinh những bài của các bạn đọc hoặc tỏ kiến-giản đối với một vấn đề nào về sử-học, hoặc tranh luận hay giải-thích về những điểm đáng ngờ trên trang lịch sử việt-nam.

Làm công-việc này bản-chí chỉ có mấy ý là : **muốn tìm sự-thực, rộng nhặt tài-liệu, chất chính cùng các bực thức-giả.**

Dưới đây là bài của ông Kiều Thanh-Quế (Cần-thơ) thảo-luận với ông Lê Văn-Hòe về một vài « chi-tiết » trong rừng » Quốc-sử. — T.T.

Quốc sử chép đúng:

Mị-nương, con gái Hùng-vương họ Mị Mị-Châu con gái An-dương vương họ Mị.

I

LÀM công việc sưu-tập tài liệu để mong đính ngoa Quốc-sử, ông Lê Văn-Hòe vừa cho ra tập sách mỏng-mẻo *Quốc sử đính ngoa.*

Trong sách ấy, ông Lê Văn Hòe đặt ra câu hỏi : « Con gái vua Hùng-vương thứ 18 tên thật là gì ? ». Rồi trả lời : « Đời Hùng-vương tức là trong cả 18 đời Hùng-vương, con trai vua gọi là Quan-lang, con gái vua gọi là Mị-nương (có lẽ chính là Mệ Nàng) tức cũng như người Tàu gọi công-chúa. Như vậy thì hết thảy con gái các vua Hùng-vương đều gọi là Mị-nương, chứ riêng gì con gái vua Hùng-vương thứ 18? Mị-nương là một danh-từ chung, như công chúa, chứ có phải là một danh từ riêng đâu ? Nói « con gái vua Hùng-vương thứ 18 là Mị-Nương » là nói thừa với lắp. Đáng lẽ phải nói : « *Mị nương con gái Hùng-vương thứ 18 tên là...* » Nhưng con gái vua Hùng-vương thứ 18, người mà Thục vương hỏi không được, người mà Sơn-tinh, Thủy-tinh tranh-giành nhau, tên thật là gì ? sử không chep và cũng chẳng ai biết. »

— Thưa sử có chép ! Và Ngô Sĩ-Liên, tác giả *Đại việt sử ký*, mà ông Lê Văn-Hòe bảo là « ngớ ngẩn » đã biết.

Thưa, Mị-Nương không phải đồng nghĩa với tiếng «công chúa» theo ông Lê Văn-Hòe nghĩ (!). Mị Nương cũng không phải « có lẽ chính Mệ nàng ».

Mị-Nương là nàng công chúa họ Mị con vua Hùng-vương thứ 18.

●

Trong câu chuyện nỏ thần của sách *Quốc sử đính ngoa*, ông Lê Văn Hòe lại tin theo sách *Việt kiệu chí* của Tàu, bảo con gái An Dương-vương tên Lan-Châu, và thêm : « Ta lại có thể đoán chắc rằng tiếng Mị nguyên là tiếng Mệ, tiếng thời cổ dùng để gọi con gái vua, cũng như tiếng Nương có lẽ nguyên là tiếng Nàng. — Mị Châu tức là Mệ Châu. — Dân Âu-lạc gọi con gái vua (tên là Châu) là Mệ Châu cũng như dân Tàu gọi công-chúa Châu vậy... Theo những điều nhận xét trên này, liệu ta có nên đính chính câu chuyện tên con gái vua Thục ? »

— Thưa không. Quốc-sử chép con gái An-dương vương tên Mị-châu là chép đúng. Khỏi cần phải đính ngoa lôi-thôi gì cả. »

II

Tự thế-kỷ đệ nhứt trước Thiên-Chúa, sách *Sử ký* của Tư-mã Thiên lại chép một đoạn trong *Chiến-quốc sách* (thế kỷ thứ 3 trước T.C.) có câu : « *Tiễn phát, văn thân, thác tí, tả nhậm : Âu-Việt chi dân dã* ». (Cắt tóc, vẽ mình, khoanh tay và cài áo bên tả, ấy là tục dân Âu-Việt).

Chú-thích về đoạn sách ấy, người đời sau, Trương Thủ-Tiết đời Đường (737 sau T. C.), viết : « Án : *thuộc Nam-việt cổ ngôn Âu-việt dã. Dư-địa-chí vân : Giao-chỉ, Châu thời, vi Lạc-việt ; Tần thời viết Tây-Âu, văn thân, đoạn phát, tị long, tắc Tây-âu-lạc hựu tại Phiên-ngô chi tây-nam, Việt cập Âu-lạc đai tánh Mị dã. Thế-bản vân : Việt Mị tánh dã, dữ Sở đồng tổ thị dã* ». (Xét : thuộc về Nam-việt, cho nên gọi là Âu-việt. Sách *Dư địa chí* chép : đất Giao-chỉ về đời Châu là Lạc-việt, về đời Tần là Tây-Âu ; người dân vẽ mình cắt tóc để tránh giống giao-long. Lại gọi là Tây-âu-lạc vì ở tây-nam thành Phiên-ngô (1). *Người Việt và người Âu-lạc đều thuộc họ Mị cả.* Sách *Thế-bản* chép : *Người Việt thuộc về họ Mị cùng với người nước Sở cùng tổ).*

Nước Sở xuất-hiện trong lịch-sử Tàu lần thứ nhứt vào khoảng thế-kỷ thứ XII-XI trước T. C. Trung-tâm-đề đô chánh-trị của nó thành-lập trên Dương-tử-giang, thuộc miền Hồ-bắc, Hồ-nam ở giữa Nghi-xương và Động-đình-hồ. Năm 333 trước T. C, Sở chinh-phục được Việt, chiếm cứ cho đến phía bắc Triết-giang, rồi diệt hẳn Việt-quốc. Người Việt vong quốc, theo miền duyên-hải, di cư lần xuống phía nam.

Sách *Sử ký* của Tư-mã-Thiên (thiên 40) chép đại-khái rằng, vào thế kỷ thứ IX trước T. C, một ông vua Sở chinh-phục được đất Dương-việt, tức là chinh phục được chính vùng Triết-giang, nơi đó rồi xuất-hiện Việt-quốc.

Thế nên bảo vua Việt với vua Sở đều thuộc họ Mị cả là điều có thể tin được.

Theo sách *Sử ký*, ta lại rõ rằng : tổ-tiên người An-nam, trước khi thuộc về nước Việt, như mọi người đều biết, đã lệ-thuộc Sở-quốc.

Theo Quốc-sử, nước An-nam thuở xưa gọi là nước Văn-lang, tây giáp Ba-thục (tức là miền Trùng-khánh, Thành-đô ở Tứ-xuyên ngày nay), bắc giáp Động-đình-hồ (trên tỉnh Hồ-nam).

---

(1) Phải chăng là Phiên ngu, tên thành Quảng-đông ngày xưa ?

Xem tiếp trang 23

Y-nghĩa việc thiên đô của Lý Thái-Tổ trong lịch-sử Việt-nam

NGUYỄN HUY-TƯỞNG

SAU khi lên ngôi Hoàng-đế, vua Lý Thái-Tổ nghĩ ngay đến việc thiên đô. Ngài thấy đất Hoa-lư chật-hẹp, không có bề-thế, không thể lấy làm thủ-đô cho một dân-tộc mới phát nhưng đã mang một sức mạnh nên tràn-lan, năm Thuận-thiên nguyên-niên (1010), vài tháng sau khi lên ngôi cửu-ngũ, ngài xuống thủ-chiếu dời đô. Tờ thủ-chiếu ấy dịch ra như sau này :

« *Xưa nhà Thương đến vua* « *Bàn-Canh năm lần dời đô, nhà* « *Chu đến vua Thành-vương ba* « *lần dời đô, há có phải là các vua* « *đời Tam-đại theo ý riêng của* « *mình, tự tiện dời-đổi đâu, chỉ* « *tại là tính việc to-lớn, tìm chỗ* « *giữa trong nước để đóng đô,* « *tính cuộc muôn đời cho con* « *cháu, trên ghin mạnh trời, dưới* « *theo lòng dân, hễ có tiện-lợi thì* « *thiên đô, cho nên ngôi nước* « *được lâu dài. Thế mà đời Đinh,* « *Lê, theo ý riêng, quên mạnh trời,* « *không noi theo nhà Thương,* « *nhà Chu, cứ cầu an ở đây (tức* « *Hoa-lư) đến nỗi ngôi truyền* « *không bền, số toán ngắn-ngủi,* « *trăm họ hao-tổn, muôn vật mất* « *nghi, ta rất lấy làm buồn, không* « *dời đi chỗ khác, thì không được.* « *Phương-chi thành Đại-la là cố-* « *đô của Cao-vương, ở vào giữa* « *khu-vực của trời đất, có thế hổ* « *cứ long bàn, chính ngôi đông* « *tây nam bắc, tiện thế hướng* « *bội của núi sông, đất rộng và* « *phẳng, cao và sáng sủa, dân-cư* « *không lo ẩm-thấp, muôn vật đều* « *được giàu nhiều khắp xe n trong* « *cõi nước ta, thì ở đấy la hơn cả,* « *thực là chỗ yếu hội bức-tấu của* « *bốn phương, nơi thương-đô của* « *đế-vương muôn đời, ta nay* « *muốn nhân cái địa-lợi ấy để* « *định chỗ ở vậy* » (1) (*Trần Trọng-Kim, Việt-nam sử-lược, trang 77*).

Hoa-lư chỉ sống có một quãng đời ngắn-ngủi. Tuy vậy, nó đã là đô-kỳ của hai họ một họ đã gây được sự nhất-thống cho giống-nòi; một họ đã ngăn được một cuộc Bắc-xâm và chế-ngự được Chiêm-thành. Đấy cũng là nơi phát-sinh ra đế-nghiệp của người Việt-nam. Nhưng xét cho kỹ, nó chỉ có tính-cách một nơi tụ-tập của bộ-lạc, không phải là kinh-thành của một dân-tộc văn-minh. Hơn nữa, nó còn để lại trong ký-ức người ta cái ám-ảnh của một cơn ác-mộng, dưới triều một vị chúa dâm-dục và bạo-tàn. Vì thế, vị đại-đế mà triều-đình đã tôn lên để ngự trị cõi Lạc-Hồng, vị chân-chủ mà dân Việt thầy đều ca-tụng lòng nhân và trí anh-minh, mới quả-quyết bỏ vết xe cũ, mà bước sang một con đường rộng-rãi, mới-mẻ, và chắc-chắn là rực-rỡ cho tiền-đồ tổ-quốc. Dân-gian — trừ những người ở quanh vùng Hoa-lư ra không kể — đều hoan-nghênh việc làm của vua thánh. Phải chăng họ đã cảm thấy trước cái oai hùng của kinh-đô môn thuở sau này ?

Vậy tháng 7 năm Thuận-thiên nguyên-niên, vua sáng-nghiệp ra triều-đại lâu dài thứ nhất của lịch-sử Việt-nam, cùng quần-thần dời bỏ đất Hoa-lư mà tiến về phía thành Đại-la. Trách-nhiệm của nhà vua rất lớn-lao : sự thiên đô không những có quan hệ cho họ Lý, lai còn quan-hệ đến sự tồn-vong của đất nước. Ngài là bậc chúa-tể của muôn dân, tất phải nhận thấy trách-nhiệm của mình với tương-lai và vận-mệnh dân-tộc, nhưng trí cao-cả đã khiến cho ngài không nhầm trong ý-định và sự lựa-chọn của mình. Trong tờ thủ-chiếu, ngài đã nói rõ về những cớ phải thiên đô, lấy dân làm gốc, và vạch rõ cái vị-trí quan-trọng của kinh-thành mới đối với vị-trí non sông.

Ta không cần phải bàn nhiều về tờ thủ-chiếu ấy. Chỉ cần biết qua rằng thành Đại-la là cố-chỉ của nền đô-hộ. Thành ấy đắp từ đời Lý Nguyên-Gia nhà Đường, đến đời Cao-Biền thì nơi đó nghiễm-nhiên thành một thủ-phủ sầm-uất và kiên-cố của thời nội-thuộc. Người Tàu đóng ở đó mà thống-trị được người Việt và uy-hiếp được hết những dân tộc phương Nam. Cho nên không những vì tính-cách địa-dư, vì tính-cách binh-bị của nó, nhưng còn vì kinh-nghiệm lịch-sử mà vua Lý Thái-Tổ chọn nó làm đất đế-đô cho non sông Hoàng-Việt.

Ta hãy thử tưởng-tượng quang-cảnh khi vua và triều-đình ra thành Đại-la : Thời đô-hộ dã-man, khủng-khiếp vẫn còn ghi bằng nét tươi trong óc người Giao-chỉ, nhưng mối lo sống những ngày thảm-khốc và nỗi khổ kéo một cuộc đời mà tương-lai mờ-mịt như buổi hỗn mang, khi ấy không còn đè-nén ông cha ta nữa. Dân-gian không len-lét và trốn nấp trong xó nhà như mỗi khi các quan đô-hộ chảy đi, kinh-khủng như một cơn gió bão, trái lại, họ thấy lòng bồng bột, sung-sướng, nhẹ-nhõm, như khi ta tỉnh cơn ác-mộng, thấy

một buổi bình-minh tráng-lệ, với muôn hoa tươi thắm và chim hót tưng-bừng. Mà quả thực họ đứng trước một buổi bình-minh lịch-sử, vì đó là một ngày mở đầu một triều-đại vẻ-vang, ngày rực-rỡ mà ánh sáng còn chiếu mãi về muôn đời. Đoàn thuyền ngự vùn-vụt chèo trên làn nước đục, tàn vàng tán g á rợp trời và cờ ngũ sắc bay phấp-phới trước gió đầu thu. Chiêng trống vang lừng, loa bắc trên một lầu truyền loan báo cho tứ phương biết rằng thiên-tử chảy qua, gieo-giắc mầm thịnh-trị Hai bên bờ sông, hương-án bày san-sát và chỉnh-tề, sơn son thếp vàng chói-lọi, các bô lão đứng nghiêm-trang để đón chào vị chân - mạng đế-vương, với tất cả tấm lòng khát-khao của kẻ thần-dân mộ đức. Ngày long-trọng đó là ngày hội của màu-sắc và thanh-âm, của lòng vui và của lòng hi-vọng.

Sử chép rằng, khi đoàn thuyền ngự tới Đại-la, đêm đầu tiên đức Thái-Tổ còn ngự ngoài thuyền, để các quan vào thành thu-xếp trước. Cũng đêm hôm ấy, sông Cái bỗng nổi cơn mưa gió, sấm sét đùng-đùng. Vị chúa-tể của muôn dân đóng ở đâu, thì dường như trời đất cũng phải chuyển vần .. Tục-truyền rằng đó là giang-thần đến nghênh giá Đức vua nhường trông rõ trên trời đen tối, thỉnh-thoảng lại nhoáng-nhoàng ánh chớp, một con rồng vĩ-đại bay rỡn, thế rất mạnh-mẽ, nhưng lại có cái dáng quy-phục và chào mừng. Đức vua cho đấy là một điềm tốt. Ngài mỉm cười, truyền miễn-triều cho Thần-Sông: Một lúc sau, sóng gió ngớt tạnh. Hôm sau, xa-giá vào thành. Ngài xuống chiếu báo tin rồng hiện cho nhân-dân, và đổi tên thành Đại-la — cái tên đo chẳng còn là dấu-vết của thời đô-hộ sao ? — là thành Thăng-long, thành của điềm mừng cho dân-tộc, thành của hi-vọng và của vinh-quang Tên ấy còn ngụ-ý rằng rồng Việt phải nép mình hơn một nghìn năm dằng-dặc nay lại hiện lên, mài rũa trong đau-khổ, nhưng đã luyện được một sức khỏe phi-thường và một sức sống dồi-dào.

Đấy là nói sơ qua về bình-thức sự thiên-đô của vua Thái-Tổ nhà Lý. Về tinh-thần, và đứng về phương-diện lịch-sử, thì việc thiên đô về thành Thăng-long có một ảnh-hưởng vô-cùng quan-trọng cho vận-mệnh nước ta.

Sau khi vị cứu-quốc Ngô-Quyền phá quân Nam-Hán, giết Hoằng-Thao, xô đổ đài đô-hộ, vén màn ánh sáng cho dân-tộc, ông cha ta mới được tự-chủ, còn đang bâng-khuâng, như tỉnh, như say, tựa-hồ con bướm mới thoát ra tổ kén, mắt còn bị chói-lòa bởi ánh sáng bên ngoài. Vì thế, trong buổi mới, ông cha ta còn lúng-túng, còn ngơ-ngác, còn dẫn-đo. Hơn nữa, còn nơm-nớp sợ cái ách người Tàu mà mình phải khó-nhọc mới được thoát. Cho nên nhà Ngô thì đóng ở Loa-thành, kinh-đô của một ông vua mất nước ; nhà Đinh và nhà Tiền-Lê thì đóng ở Hoa-lư, lẩn-lút trong những miền rừng-rú Biết đấy là đất nghèo, địa-thế không tiện-lợi, nhưng vẫn phải ở, để lánh cái uy của Trung-quốc. Trong thời-kỳ lịch-sử ấy, đối với người Tàu, ta chỉ là một giống mọi-rợ, ẩn-nấp xó rừng ; mà đối với mình, ta tự lượng còn yếu-ớt quá, nên phải trốn-tránh người Bắc, chưa dám ra mặt « *các đế nhất phương* » như một vị vĩ-nhân sau này đã nói với tất cả lòng tự-phụ trong một bài văn hùng-tráng

Nhưng dần dần cái vẻ kinh-hoàng của buổi mới mất đi. Xét lại sức mình, ta thấy có thể đường-đường đối thủ được với người Tàu, và có thể vẫy-vùng để khuếch-trương thế-lực của mình về phương Nam. Tựa một con chim bằng hăng-hái và trẻ mạnh, sức có thể bay xa vạn lý, ta không chịu giam mình trong một xó như dan ngày, nên quả-quyết bỏ cái tổ bé-nhỏ và bất-tiện, mà tìm đậu ở một nơi rộng-rãi thông-thênh, để tiện lối tung-hoành..

Ông cha ta đã chọn được một nơi đích-đáng để làm kinh-thành. Từ khi các đế-vương ta đóng đô ở thành « Rồng hiện », trong khoảng bảy trăm năm, lịch-sử đã hiến cho ta không biết bao nhiêu trang oanh - liệt vẻ-vang. Phía trên, ta làm tỏa-triết cái oai-phong của người Tàu, nhiều lúc vũ-công hiển - hách của ta làm rung-chuyển cả khối Trung-hoa. Phía dưới, ta lại chế-ngự được giống Chiêm-thành và thống-trị được hết cả những dân-tộc ở phương Nam.

Thành Thăng-long, với cái tên tuyệt đẹp, là kinh-đô chỉ đem lại hạnh-phúc cho người Việt-nam, nó không phụ giống-nòi ta. Cũng có nhiều phen nó phải qua những thời - kỳ nguy - biến, tối đen, nhưng nó có thể tự-hào rằng nó như một trang trung thần, một bậc nghĩa-sĩ. Cho nên khi Thăng-long thành đất đế-đô tức là lúc dân ta bắt đầu phú - cường, và khi ta bỏ nó, cũng tức là ngày ta bắt đầu qua một thời-kỳ suy nhược. NGUYỄN HUY-TƯỞNG

1) Nguyên-văn chữ hán có chép trong Đại việt sử-ký toàn thư, Lịch triều hiến-chương và Hoàng việt văn tuyển, v.v.

Rao:

Thư từ và ngân phiếu xin gửi cho ông Nguyễn tường-Phượng Tri Tân tạp chí, 195, Hàng Bông Hà-nội,

SỐ 4

PHONG-DAO

— Chia loại và giải nghĩa —

HOA-BẰNG

Vì chàng, thiếp phải mua mâm,
Những như thân thiếp bốc ngầm cũng xong.
Vì chàng, bát đũa nghênh-ngang,
Những như thân thiếp bày sàng cũng xong.
Vì chàng, thiếp phải bắt cua,
Những như thân thiếp thì mua vài đồng.

Thể phú. Đây tả người vợ tốt có tâm-hồn giản-dị mộc-mạc, quên hẳn phần mình, chỉ biết hi-sinh vì chồng thôi Những lúc chồng vắng, nàng có thể sinh-hoạt một cách rất đơn-giản, rất sơ-sài, không bày-vẽ gì cả. Bữa ăn, nàng đặt cơm và đồ ăn lên trên cái sàng đan bằng tre, chẳng cần nghênh-ngang ca-cách nào mâm, nào bát, nào đũa cho phiền-phức làm gì, rồi nàng có thể tiệp-diệp mà ăn bốc-bải cho xong bữa. Nhưng, bây giờ vì có chàng, người chồng mà nàng quí-trọng như khách, nàng phải thay-đổi lại cuộc sinh-hoạt, bày-đặt bữa ăn cho đàng-hoàng; mâm chỉnh-tề, đũa bát nghênh-ngang cho ra tuồng, ra vẻ, chứ không thể quá « cư giản, hành giản » như khi nàng sống một mình được.

Còn hai câu cuối ? Ý nói nàng khi nào muốn có cua để nấu canh hay nấu riêu, chỉ cần làm một phương-pháp rất giản-tiện là : bỏ ra vài đồng tiền, mua lấy mớ cua dù ít mấy cũng đủ. Nhưng, khi có chồng, nàng phải chiều chồng, thân đi bắt cua, kiếm lấy một bữa cho thật đầy-đủ để làm thỏa-mãn ý chồng.

Đó, phụ-nữ bình-dân có cái đức-tính cao-quí, suốt đời tận-tụy vì chồng là thế !

●

Chồng ta, áo rách, ta thương ;
Chồng người, áo gấm xông hương, mặc người.

Thể phú. Hai câu này, ở Trung-kỳ, nhất là ở miền Quảng-nam, thường hay truyền tụng Nó cũng giống nghĩa những câu « *chồng người xe ngựa, người yêu ; chồng em khố đũi, em chiều, em thương* » như đã giải-thích ở Tri-Tân số 15, trang 13.

●

Đói lòng, ăn đọt móc, rau lê,
Tìm nơi ân-hậu, hơn bề giàu sang.

Thể phú. *Đọt* là *nõn*, là *bup*. *Móc* là *cây móc*. Ở đàng trong, nhiều người thường hái những búp cây móc mà ăn, mặc dầu nó không ngon mấy.

Lê là một thứ rau không ngon. Trong chữ nho có tiếng « lê hoắc » chỉ về cảnh sinh-hoạt nghèo-khổ, sống bằng rau rưa đạm-bạc.

Ý hai câu này : Một người con gái có đức tính mộc-mạc giản-dị, muốn tìm hạnh-phúc hoặc ở túp lều tranh, hoặc ở luống cầy, hoặc ở cánh bể hàng « vạn » (làng chài), dù phải ăn rau rưa trong khi bụng đói, miệng thèm, nàng cũng cam lòng, miễn có ái-tình chân-thật, mặn-mà, được hưởng lạc-thú yên-ổn, ấm-áp và hiền-hậu. Thế là đủ. Như vậy, nàng cho là còn cao-thượng hơn những nơi giàu sang mà khinh-bạc, kiêu-căng, rẻ người, rẻ của, không có chân hạnh-phúc và sinh-thú Theo ý nàng, nếu tìm được những nơi có ân-ái trung-hậu, thì dầu có phải rốc chén « nghèo khổ », có phải ăn đọt móc, rau lê cho đỡ đói lòng, nàng cũng vẫn được vui vẻ, sung-sướng, hả-hê vì đã trèo được đến nơi tuyệt-đỉnh của cuộc đời lý-tưởng.

●

Giàu thì cơm gạo bồ lao,
Khó thì đánh điếu thuốc lào cầm hơi !

Thể phú. *Bồ lao* nghĩa là bồ sức cho khỏi nhọc-mệt. *Cầm hơi* nghĩa là cầm-giữ cho còn hơi-sức.

●

Áo anh đứt khuyết, đứt khuy,
Quần anh đứt dũng lấy chi hoa hòe ?

Thể phú *Khuyết* là cái vòng

Cải-chính

T. T. số 22. — Trang 12, cuối cột 1 : « ... *bướng* về phía bắc », sửa là « *hướng* về phía bắc... », cột 3, giòng 13 : « ... *biến* cả », sửa là « *biển* cả » ; trang 13, cuối cột 2 « nước *Năm* », sửa là « nước *Nam*... », trang 18, cột 2, giòng 36 : « ... lấy *con* gái vua... », sửa là « ... lấy *em* gái vua... » ; cùng trang ấy, cuối cột 3 : « ... *cờ* việt », sửa là « ... *lưỡi* việt » (lưỡi cây phủ việt) ; trang 21, cột 1, giòng 14 : « khách *đứng* trông... », sửa là « khách *dừng* trông... », giòng 15 : « chuông *chiều* », sửa là « chuông *triều* » (tiếng chuông buổi sớm).

T.T. kỳ này : Phò mã Nguyễn *Duy* Lâm đọc là Nguyễn *Tri* Lâm.

Đón coi :

1) *Tài liệu để đính chính những bài văn cổ* (V)
của Ứng hòe Nguyễn văn-Tố

2) *Trong áo cà sa* (*chuyện thơ*)
của Tiên Đàm

3) *Tiên du thắng tích*
của Vân Thạch

nhỏ quấn bằng chỉ hoặc lộn bằng vải để đong cúc hay khuy. *Khuy*, có thứ tết bằng vải, có thứ làm bằng chỉ, đồng, vàng, bạc, hoặc hồ-phách. Ngày nay người ta lại làm khuy bằng xương, bằng ngà, bằng thủy tinh, bằng nhựa, bằng sứ, v. v. Người « đàng trong » thường kêu khuy là « nút », nên có câu phong-dao rằng : « *Trăm năm, lòng gắn, dạ ghi, dù ai đem nút bạc đổi khuy chi cũng không !* » *Đũng* là chỗ hai thân quần giáp nhau ở phía trên hai ống. *Hoa hòe* là hoa của cây hòe, màu-sắc vàng-vàng óng-ánh. Có khi đi một mình nhưng thường đi đôi với « hoa sói » làm thành tiếng thành-ngữ chỉ về những cái đẹp-đẽ, hào-nháng, văn-hoa...

Đây tả một anh học-trò nghèo sống trong cảnh giản-dị mộc-mạc : áo thì đứt khuy khuyết, quần thì rách đũng, có vẻ lam-lũ, lôi-thôi... Trong con mắt của bạn gái, chàng chẳng có gì là mỹ quan cả !

Phải, cái cảnh hàn-nho ngày xưa như thế là thường. Chính tôi đã được nghe một chuyện: Một cụ đồ kia, nhà nghèo, mẹ già, rất thiếu-thốn về phần vật-chất. Từ quê lên thi hương trên trường Sơn-tây, cụ dường bị cắt da trước những « luỡi dao » gió đông ác-nghiệt ! Áo lại đứt khuy khuyết ! Dọc đường, cụ phải xuống ruộng, nhặt lấy cọng rạ mà buộc áo. Cụ liền nhận được câu ví trào-phúng của cô xã đang làm đồng : « *Áo rách chẳng ai vá cho, lấy rơm buộc túm để bò đuổi theo !* » Nhưng cô ta có ngờ đâu chính anh chàng không có chi là « hoa hòe » kia lại đậu cử-nhân thứ ba g ũa khoa hương ấy.

HOA-BẰNG

Một danh-thần dưới triều Minh-mạnh

NẾU ai có cái tính hiếu-kỳ, du-lịch khắp nơi, khi đi vào con đường số 51 thuộc phủ Quảng-trạch, về phía sau phủ-lỵ, sau chợ Ba-đồn độ 400 thước tây, thì sẽ thấy một ngôi miếu nhỏ, trong có một đôi câu đối :

« *Nguyên-mặc từ-hoa yêu đế giản ;*

« *Tứ-tri tâm-sự yết quan trường* ».

Ấy chính là cái miếu thờ cụ Nguyễn-dương-Danh.

Cụ, quê ở làng Phan-long, phủ Quảng-trạch, tỉnh Quảng-bình, hồi nhỏ, tên là Nguyễn-Dương. Cha mẹ mất sớm, nhà nghèo khổ, ở với ông bác ruột. Bác bắt đi chăn trâu, đêm về thì làm việc nhà, đã hơn 10 tuổi mà không biết một chữ ; nhưng trong lòng cụ thì ưng đi học lắm. Đêm đến, trong khi đang làm việc, cụ cứ lắng tai nghe những bài học của các con ông bác, nghe câu gì thì thuộc câu ấy. Sau lại xin bác cho tiền mua bút giấy, rồi biên chép lấy những bài học của con ông bác. Ngày đi cày, vừa cày vừa học, đêm thì xin một ít cây hương của hàng xóm, đợi khi làm việc xong, đèn tắt rồi, thì thắp hương mà học. Học như vậy, chỉ trong 6, 7 năm cụ thi đỗ Tú-tài.

Năm 31 tuổi, vừa gặp khoa Giáp-ngọ, Minh-mạng 15 (1834), cụ thi đỗ Giải nguyên trường Thừa-thiên. Vua Thánh-tổ duyệt quyển, xem văn, khen ngợi, liền sắc hạ cho cải tên là Nguyễn-dương-Danh.

Đến khi làm quan, kể từ Huấn đạo, Giáo-thụ, Đốc-học, Án-sát cho đến chức Bố-chính Thái-nguyên, thực cụ không lấy một vật gì của học-trò hoặc của dân, quả không khác gì tấm lòng liêm-khiết của ông Dương-Chấn đời nhà Hán.

Song cụ chỉ vì có một cái tính viết chữ hay lầm sót, hễ đặt bút xuống là sai lạc. Vì cớ ấy cụ phải mang lấy cái tội « *khuể ngộ* » luôn luôn, phải cách giáng luôn luôn. Khi Đốc-học giáng xuống Huấn-giáo, khi Án-sát giáng suống Bát-phẩm... cứ giáng xuống, thăng lên như thế mãi, cho nên suốt cả đời cụ, làm đến 3 lần Án-sát và 2 lần Bố-chính.

Hai đức vua Minh-mạnh và Thiệu-trị thấy cụ liêm khiết quá chừng, có ban thưởng tiền bạc luôn luôn, song cũng không cứu được cái nghèo của cụ. Kết cục cụ sau khi tạ-thế (hưởng thọ 57 tuổi), chỉ để lại cho con cháu được một cái nhà tranh rất nhỏ hẹp.

Cứ theo lời truyền-khẩu, thì trong khi cụ thi đỗ Giải-nguyên, có một chuyện rất lạ như thế này :

Nguyên trường hương thí Thừa thiên, học trò dự thí có đến 4 tỉnh : Thừa-thiên, Quảng-nam, Quảng-trị và Quảng-bình. Khoa đó, khi chưa vào trường, có một sĩ-nhân, người Quảng-nam, mộng thấy các trường quan tiến trường, sĩ-nhân liền quì lạy mà hỏi khoa này giải nguyên là ai, quan chánh chủ khảo giả lời : « Giải nguyên sẽ về tay Tú-Dương, người Quảng-bình »

Sĩ-nhân tỉnh dậy, liền dò tìm cho ra ông Tú-Dương mà làm quen, rồi đem mộng triệu ấy báo cho biết. Khi vào trường gặp nhau, cụ cũng giúp văn cho sĩ-nhân ấy đỗ Tú-tài, còn cụ thì quả nhiên đỗ được Giải-nguyên.

cụ là một vị quan rất phúc-hậu, rất thanh-liêm, đến nay cháu chắt cụ đều nghèo khổ,

LỊCH-VIÊN

Bàn thêm về bài diễn-văn của quan Thượng-thư bộ Giáo-dục Phạm Quỳnh :

«Công-cuộc chấn-chỉnh quốc-gia ở nước Pháp và khôi-phục cổ-điển ở nước Nam»

NHẬT-NHAM

HỒI 9 giờ tối 20 Octobre 1941 quan Thượng-thư bộ Quốc-dân Giáo-dục Phạm-Quỳnh có phụng thánh ý, diễn thuyết tại phòng Di-luân trong Bảo-Đại thư viện ở kinh đô Huế. Đại ý bài diễn văn là so-sánh công-cuộc chấn-chỉnh quốc-gia ở nước Pháp với sự khôi-phục cổ-điển ở nước Nam. Xin tóm tắt đại lược như sau này :

Tháng Juin 1940, nước Pháp qua một cuộc thất-bại về chiến-tranh. Nhưng sau cơn thất-bại ấy, nổi lên một phong-trào phục-hưng về tinh thần và chính trị, do một vị anh hùng cứu-quốc là Thống chế Pétain chủ trương.

Sau khi xét một cách triệt để đến nguyên nhân sự thất bại, — nguyên nhân một phần nhớn vì tình trạng suy vi của xã hội, vì văn minh thái quá đã lôi cuốn cá nhân vào vòng vật chất, nhãng hẳn bổn phận đối với gia đình, xã hội, — Quốc trưởng Pháp bèn hy sinh cả một đời đầy danh vọng tuổi tác để khôi phục lại quốc hồn, đặt lại tổ quốc lên cái nền tảng vững-vàng về đạo đức, và vãn hồi cái tinh thần từ nghìn xưa đã giúp nước Pháp có nhiều thiên lịch sử rực rỡ vẻ vang !

Cuộc chấn chỉnh vĩ đại đó tiến hành giữa cơn đau đớn, đã quét sạch mây đen che phủ tinh thần, để đem lại cho nước Pháp một tương lai tốt đẹp. Trong công cuộc cải tạo. Thống-chế Pétain chú trọng đến việc sửa đổi triết lý theo những quy-tắc đã kinh nghiệm về trật tự, về di truyền, về cổ điển và việc xây dựng lại nền luân lý theo luật « *cần lao* », theo nghĩa « *gia đình* » và « *Tổ quốc* »...

Rồi diễn giả phác sơ cái tình trạng nước nhà hồi năm mươi năm về trước : một dân tộc quá thủ cựu về xã hội, về chính trị, quá theo hình thức cổ thời mà ngừng trệ không tiến hóa được, trong khi các nước láng giềng mau bước trên đường quốc tế. Đến khi trực tiếp với Tây phương, cái lý tưởng mới của Âu tây gây ra một phong trào phản động đối với những tập quán cũ về sinh hoạt, về tinh thần đã từng ngăn trở cá nhân không phát triển được. Chính sách đồng hóa tiến hành mau chóng, rồi lớp ấy đến lớp khác đứng trước phong trào mới về chính trị, xã hội từ ngoài thâu nhập, dần dần thoát ly khỏi vòng cổ điển, để đi vào con đường nhầm lẫn.

Nước ta đã đi vào con đường sai nhầm, cần phải phục hồi chân lý, cần phải để tỉnh quốc hồn do mấy nghìn năm lịch sử đào tạo nên.

Trước khi khuyên quốc dân nên theo gương nước Pháp, khôi phục lại cốt cách tinh thần, chấn hưng lại những tôn chỉ, chế độ đã làm cho dân tộc ta vẻ vang, để kiến thiết lại cái nền tảng quốc gia hiện đương khiếm khuyết, quan thượng Phạm diễn-giả nói đến cai tinh-thần Nho giáo và công nhận cái tôn chỉ «*cần lao*». «*gia-đình*» «*Tổ-quốc*» của nước Pháp đương phụng sự rất phù hợp với chủ nghĩa «tu, tề trị, bình» của đạo Khổng mà quốc dân ta vốn sẵn có từ xưa.

Vậy xin nói thêm về vấn đề tu, tề, trị, bình của Khổng phu-tử.

Nước ta xưa kia rất tôn sùng Nho giáo, cho là chính đạo, độc tôn. Luân lý, phong tục, chính trị, bất cứ việc gì cũng lấy Nho giáo làm cốt. Một cái học thuyết người minh đã sùng thượng trong hơn hai nghìn năm, đã duy trì xã hội ta cho tới ngày nay là nhờ có cái đặc sắc dạy người đời biết : *Chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên-hạ*.

Chính tâm — Muốn sửa mình cho thành người cổ đức hạnh hoàn toàn, có nhân phẩm tôn quý, trước phải giữ tâm mình cho chính, ý mình cho thành-thực.

Chính tâm là đừng để sự tức giận, sự sợ hãi, sự vui say, sự ưu hoạn làm cho tâm phải chếch lệch.

Thành ý là mình không dối mình, đối việc gì cũng cứ thành thực.

Đã chính được tâm và thành được ý thì đức mình tự nhiên biểu lộ ra bề ngoài

Tu thân. — Sách Đại học có câu : «*Tự thiên tử dĩ chí ư thứ nhân, nhất thị dai dĩ tu thân vi bản*». Nghĩa là tự vua cho đến người dân, ai cũng phải lấy sự sửa mình làm gốc.

Người ta sinh ra ở đời, bẩm thụ tính của trời. Cái tính bản nhiên của trời phú cho là chí thiện. Bởi có cái tính ấy cho nên ai sinh ra cũng có sẵn tứ đoan tức lễ nhân, nghĩa, lễ, trí. Nếu để tư tâm, tư dục che lấp tứ đoan ấy đi, tính người sẽ trở nên ác. Cho nên sự giáo dục chú trọng vào việc gây các thiện đoan và tài chế các ác đoan. Người nào thực tiễn được những điều nhân, nghĩa, lễ, trí thì là người quân tử có phẩm giá tôn quý.

Quân tử là bực công chính, biết rõ cái đạo của trời đất, mà hành động rất hợp với đạo làm người.

Đã tu được thân thì có thể tề được gia, trị được quốc, bình được thiên-hạ.

Tề gia. — Người ta đã tới được đạo nhân, thì bao giờ cũng có nhiều tình cảm rất hậu và rất thành-thực. Theo lẽ thường của Tạo hóa, thì cha mẹ, anh em, chị em là người chí thân, chí thiết của ta, tất ta phải kính yêu, rồi sau

đối với người ngoài mới có lòng từ ái, trung thứ được. Ở với cha mẹ không hiếu thảo, ở với anh em chị em không kính thuận, tức là tình cảm của ta rất bạc. Tình cảm đã bạc thì thành sao được người nhân ? Cái gốc đạo nhân là ái và kính. Trong sự giáo hóa, Khổng giáo lấy hiếu đễ làm trọng Có hiếu đễ thì mới biết đem hòa mục và kính thuận ra ứng dụng với đời.

Trị quốc. — Bình thiên hạ. — Đã biết chính tâm, tu thân, tề gia, lại cần phải để thi thố với đời : dựng nền đức dục cho vững vàng và luyện tập trí dục cho tinh tiến.

Việc ứng dụng ở đời hệ trọng hơn cả là việc quốc gia và thiên hạ, tức là việc chính trị.

Đã có xã hội, tất phải có thể thống kỷ cương, có lễ nghĩa trật tự, có luân thường đạo đức, để giữ nền quốc gia cho vững chãi.

Cho nên vua phải ra vua, tôi phải ra tôi, cha ra cha, con ra con, anh ra anh, em ra em, vợ chồng ra vợ chồng thì nước mới trị. Nếu trong các rường mối ấy khuyết điểm điều gì thì nước tất loạn. Vậy thì giáo dục có quan hệ mật thiết đến chính trị nhiều lắm.

Người làm dân có giáo dục thì biết có nghĩa vụ và quyền lợi, lại biết trọng lễ nghĩa và trật tự.

Người làm vua, làm quan có giáo dục thì biết rõ cái chức trách của mình không làm những điều tàn bạo.

Ấy cái tinh thần Khổng giáo chung đúc cả trong bốn chữ « *tu, tề, trị, bình* » mà cả nhân luân là ở giữa gia đình và Tổ quốc.

Nước Việt - Nam ta từ đời Lý (1010-1224) trở đi, nhờ có nho học đã sản xuất được biết bao trung thần, liệt nữ, hiếu tử, thuận tôn, có tài cán, có tiết tháo, có thanh danh, làm vẻ vang cho non sông đất nước.

Đến nay cuộc thế biến thiên, văn minh vật chất cực thịnh hành, lòng người thiên về trí xảo, tình cảm ngày càng đơn bạc, tinh thần dân tộc tựa hồ như cái nhà cổ dột nát, cần phải trùng tu mới vững vàng được.

Nền đức dục của ta xây dựng mấy nghìn năm nay đã có hiệu quả mỹ mãn, cần phải tài bồi và duy trì, lại thâu thái lấy những điều trí dục còn khiếm khuyết để bồi đắp vào cái sản nghiệp đức dục ấy, rồi tuần tự tiến hóa, chắc tương lai của nước nhà sẽ tốt đẹp vẻ vang.

Phong-nhân ấp Nghi, sau khi vào yết kiến đức Khổng tử, ra bảo các môn nhân rằng : « Hai, ba gã lo gì đức Phu-tử đến nỗi mất ngôi ! Trong thiên hạ vô đạo đã lâu, trời sắp lấy ngài làm mõ gỗ. »

Trong công cuộc khôi phục cổ điển ở nước ta do Triều đình Huế hiệp tác chân chính với nước Pháp để phụng sự một tôn chỉ chung, một chủ nghĩa chung, Khổng giáo lại có công dụng là làm mõ gỗ để cảnh tỉnh quốc dân trở lại con đường đạo đức, duy trì lấy cái tinh hoa Á đông rất phù hợp với tư tưởng Tây phương, một cái mõ gỗ cần để rung động cả hai tâm hồn đông, tây trong một dịp điều hòa êm ái.

NHẬT-NHAM

Ngắm xem nội hóa nước nhà,
đến chè NAM-LỘC mới là thanh hương !

Các quý khách thích uống nước chè
xin hỏi ngay chè **NAM-LỘC**

Bán tại :
Số 5, Phố Phúc-Kiến
HANOI

ÔNG TÍN
(1768—1799)

THỜI Nguyễn trung-hưng, có một công-thần người nước Pháp, ta quen gọi là *ông* Tín mà sử sách Tây thường gọi là *Colonel* Olivier.

Ông *Victor-Joseph-Cyriaque, Alexis* Olivier de Puymanel sinh tại Carpentras (Vaucluse) tháng Avril 1768, cha là *Augustin-Raymond Olivier* và mẹ là *Françoise-Louise Vitalis.*

Hôm 15 Septembre 1788, chiếc tàu *Dryade* ghé Poulo-Condore, giở nghìn khẩu súng của chúa Nguyễn gửi mua Tây sang. Lúc bấy giờ *Victor* Olivier mới 20 tuổi, cùng với một bọn pháo-thủ nữa cũng bỏ tàu đổ bộ lên đất vào ngày 19 Septembre 1788. Rồi ở luôn đấy.

Đến năm sau, đức thày Bá-Đa-Lộc cùng hoàng-tử Cảnh ở Pondichéry đáp tàu *Méduse* qua Poulo-condore, hôm 19 Juillet 1789, đưa lên một ít súng thần-công. Victor Olivier và bọn thủy-thủ kia ráp lại và xếp-đặt đâu đấy, rồi lại theo tàu *Méduse* cùng về Gia-định.

Ngày 24 Juillet 1789, con tàu *Méduse* đưa đức thày cùng hoàng-tử Cảnh và bọn Olivier vào cửa Ô-cấp và đậu lại đó 11 ngày.

Nguyễn-vương được tin Bá-Đa-Lộc đã tới, bèn sai Tôn-thất Hội đem binh-thuyền ra cửa Cần-giờ đón (1).

Trên tàu *Méduse* bắn súng đại-bác chào và các quan ta xuống tàu mừng, rồi cả bọn cùng nhau về bái-yết vua Nguyễn.

Năm ấy, Victor Olivier 21 tuổi, lĩnh chức Vệ-úy, cơ Thần-sách, ban Trực-hậu. Quan dân thời bấy giờ gọi là Ông Tín.

Chính ông Tín tổ-chức bộ-binh cho chúa Nguyễn, huấn luyện binh lính và cơ đội pháo-thủ, thụ chức Khâm-sai thuộc-nội Cai đội và vẫn ở Thần-sách.

Trận đánh thành Qui-nhơn năm Qui-sửu (1793), thủy-quân chúa Nguyễn có Dayot, Rhedon, Vannier. Còn Olivier và mấy người nữa thì đánh đường bộ (2).

Trong khi vây thành Qui-nhơn, chính Victor Olivier đã dâng kế dùng khinh-khí-cầu (ballon) để thả thuốc nổ và những chất dẫn hỏa vào trong thành, song chúa Nguyễn Ánh ngại tổn-thương sát-hại đến lương-dân vô-tội nên ngài lại thôi không dùng kế ấy.

Đến năm Ất-mão (1795), sau khi đánh Qui-nhơn xong, hồi-loạn Gia-định, chúa Nguyễn ủy cho Olivier sửa-sang lại thành phố Sài-gòn như các đô thành bên Tây (3).

Thành Sài-gòn và các trọng yếu như Vĩnh long, Hà tiên, Châu đốc, Biên hòa, Bà ría cũng đều do Ông Tín cùng với Théodore Le Brun (4) xây đắp theo lối vauban.

Tháng chạp năm Mậu ngọ (1798), Nguyễn vương sai ông Tín đem tàu *Thanh tước* đi Ma-la-ca mua thêm khí giới.

Sang năm Kỷ mùi (1799), ông Tín phụng-mạng đem tàu đi Malacca chữa, mất tại đó ngày 23 Mars 1799, mới 31 tuổi (5).

Ở Ròn (gần Quảng bình, cách 12 cây số) hiện còn có ngôi mộ một hạ sĩ quan người Pháp tên là Olivier de Pezet, mất tại Ròn ngày 1-6-1889 cũng là chắt ông Tín (6).

Colonel Olivier theo phò chúa Nguyễn từ năm Kỷ dậu (1789) cho đến năm Kỷ mùi (1799) là năm ông mất tại Malacca. Ông ở xứ ta mười năm trường, song không thấy sử sách nói đến gia quyến của ông mà sao lại có người chắt mất tại Ròn đó ? Vậy xin các nhà sử học lão-luyện bổ khuyết cho !

NGUYỄN TRIỆU

1) Đại Nam chính biên thực lục nhất kỷ quyển 4 tờ 15-16.

2) B.E.F.E.O. tome XII Documents relatifs à l'époque de Gia-long, L' Cadière p. 29.

3) Souvenirs historiques sur Saigon et ses environs, Trương Vĩnh Ký p. 9.

4) L. E. Louvet Mgr d'Adran p 243.

5) Cũng có sách chép là Victor Olivier đau, phải đi Malacca chữa bệnh rồi mất.

6) B.A.V.H 1923 pp 285-289.

CÁC SÁCH NÊN ĐỌC

Tiếng Việt-Nam có mẹo mực, rất tinh tường, ai muốn biết rõ, thì xem sách : VIỆT-NAM VĂN-PHẠM của ông Trần-trọng-Kim (1).

Muốn biết rõ cách thờ cúng chư Phật và chư Bồ-tát, cùng cách bày đặt các tượng ở các chùa xứ Bắc-kỳ, nên đọc quyển PHẬT-LỤC của ông Trần-trọng-Kim Giá 0p 80

de Hanoi à la Courtine
(Septembre 1939 — Jain 1940)
của Phạm-duy-Khiêm Giá 1p.50
Bán ở nhà in « Du Nord » 133 phố Hàng-bông Hanoi và các nhà bán sách.

(1) Bản dịch ra chữ Pháp 3p.50 — Bản quốc âm 2p.50.

Học chữ Hán không cần thầy không gì bằng *học trong bộ*

HÁN VĂN TÂN GIÁO KHOA THƯ'

soạn giả : LÊ-THƯỚC
Giải nguyên, giáo sư bậc thành-chung
Trọn bộ 5 quyển — Giá 1p 60 — Cước 0p 38
Đề cho : hiệu sách Đông-Tây, 195 hàng bông — Hanoi

TIẾT BỐN

KẾT LUẬN VĂN HỌC HỒI BẮC THUỘC

Trong vòng hơn một nghìn năm (1), Việt-nam bị Tàu đặt làm quận huyện. Về mặt văn học, lẽ tất-nhiên ta phải chịu họ chi phối. Trong khoảng thời gian đó, hán-văn nhờ thế-lực chính-trị và tôn-giáo, dần dần thấm sâu vào óc người Nam rồi chiếm được địa-vị chủ.

Còn việt-văn trong hồi đó? Ta có thể đoán: bấy giờ, đứng vào địa-vị phụ-thuộc, nó bạn với nông dân, tang-nữ. Nó thâm-trầm, sâu sắc, gieo mạnh cảm tình và tư-tưởng bóng bẩy, xa xôi vào lòng người mình, gợi cái quan-niệm nồng-nàn thiết-tha về quốc-gia, dân-tộc. Nó dung hòa với hán-văn, gây thành một cuộc đồng hóa rực-rỡ, tốt đẹp trong văn-học giới Nam-việt.

Chữ nôm phải chăng được sáng chế từ hồi Bắc-thuộc?

Có người nói: chữ nôm do Sĩ-Nhiếp (187-226) đặt ra để dạy người mình tiện học chữ hán (2). Đến lớp thuộc Đường (621-906) đã thấy người ta dùng hai chữ «Bố cái» (3) là văn nôm mà chép tên hiệu Phùng-Hưng.

Về vấn-đề này, tôi đã nói sơ ở chương thứ nhất, nay xin nói kỹ cho rõ thêm:

Nếu bảo chữ nôm là do người Tàu sáng chế ở hồi Bắc thuộc để dễ-dàng trong việc cai trị và truyền-bá hán-học? Thật khó tin!

Nếu bảo chữ nôm là do Sĩ Nhiếp đặt ra? Cũng khó đủ chứng cớ!

Vì những lẽ này:

Người Tàu, trước khi Âu-hóa, vẫn giữ bộ óc bảo thủ, nên đối với văn-ngôn là thứ văn bác-học họ cứ khư khư giữ mãi cho tới năm Trung-hoa Dân quốc thứ tám (1919). Toàn quốc giáo dục đại hội mới công nhận dùng bạch-thoại làm văn dạy trong các trường học của Tàu. Đủ biết người Tàu ngày xưa không quan-tâm đến việc phổ-thông giáo dục, nên không chú trọng tới lối văn bình-dân. Ở nước Tàu là chính-quốc còn như vậy, huống chi đối với An-nam, một lĩnh thổ xa-xôi này? Vả suốt đời Bắc thuộc, nào ai tìm thấy được chút dấu tích chữ nôm?

Những lương-lại Tàu có công trong việc truyền dạy hán-học phần nhiều đều ở lâu năm bên này cả, nhất là Sĩ-Nhiếp lại hầu như người An-nam rồi. Vì tổ-tiên ông tuy người Vấn-dương nước Lỗ (tỉnh Sơn-đông Tàu bây giờ), nhưng từ lớp loạn Vương-Mãng (8-25), lánh nạn sang ở nước Nam, đến Sĩ-Nhiếp đã được 7 đời. Như vậy Sĩ-Nhiếp nói tiếng nam có lẽ còn thạo hơn nói tiếng tàu. Thế thì, trong khi dạy người Nam học-tập hán-văn, ông rất dễ-dàng mà nói, mà giảng bằng tiếng việt, còn có cần chi phải đặt ra thứ chữ nôm để đánh dấu nữa?

Thử viết — Số 12

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BẰNG

Ngay như lớp trước, cách đây trên dưới 30 năm, các cụ dạy học chữ nho, chỉ bắt học-trò, chữ nào nghĩa ấy, phải học thuộc lòng, chứ không cho biên hay đánh dấu chữ nôm hoặc chữ quốc-ngữ ở bên chữ hán. Một vì, đối với chữ nho, các cụ kính-trọng như thần-minh, không dám để học-trò làm cái việc mà các cụ cho là tiết-mạn ấy; hai vì các cụ sợ học-trò yên trí rằng đã chua nghĩa rồi, không chịu học kỹ, sẽ có cái nạn mau quên.

Nay căn-cứ ở một vài chữ như chữ «*Bố cái*» mà bảo đời bấy giờ đã có chữ nôm rồi, thì thật chưa đủ. Vì, trên mặt sử sách cũ, những chữ dịch âm như thế là thường: Sử Tàu dùng mấy chữ «*đạt lỗ hoa xích*» để chỉ về chức *chưởng ấn quan* của Mông-cổ; trong kinh *Lăng-Nghiêm* có bài *chú Lăng-Nghiêm* rất dài dịch theo âm chữ phạm, trông chẳng khác gì chữ nôm.. Như vậy ta có thể cho chúng nó giống cái trường-hợp chữ «*Bố cái*» kia mà bảo chúng nó đều là chữ nôm được không?

Thế thì, những thuyết cho chữ nôm là do người Tàu hay do Sĩ-Nhiếp đặt ra không có gì là vững-vàng cả.

Vậy, chữ nôm ai đặt ra trước? Nó có từ đời nào?

Về việc này sử sách không thấy chép đến. Ngay như đối với Hàn-Thuyên, sử cũng chỉ chép ông khéo làm thơ phú nôm, chứ không chép ông đặt ra chữ nôm.

Nay tôi chỉ dám phỏng đoán rằng chữ nôm được sáng chế sau khi thơ phú nôm đã ra đời: Vì ở đời, trong cuộc sinh-hoạt đã cần đòi cái gì, bấy giờ người ta mới chịu hết sức suy nghĩ, tìm cách để cung cấp cho cái đó. Đi săn ở rừng, cần nấu thịt nhưng không có nồi, tất người ta phải lột da thú, rồi căng ra, cột vào bốn cái cọc đóng ở bốn góc để làm nồi. Cái guốc đi tuyết ở hàn-đới, chiếc áo mỡ ở Tây-tạng cũng cùng một ý nghĩa đó thôi. Chịu chung một công lệ ấy, văn-tự ra đời chỉ là một món cung cấp cho sự cần dùng của hoàn cảnh, của trình độ và của cuộc sinh hoạt từng dân tộc và từng thời-đại.

Vậy có thể đoán: chữ nôm bắt đầu được thành-lập từ đời Trần mà người sáng-chế có lẽ là Hàn-Thuyên.

CHƯƠNG THỨ BA

Ngô—Đinh—Lê

939-1009

TIẾT MỘT

TỔNG LUẬN

Từ hồi Bắc-thuộc, nước Nam tuy đã có học chữ hán, nhưng chắc chỉ mới biết đại-khái về mặt văn-tự thôi, chứ chưa thật được ngó hết kinh-điển của Nho giáo. Vả, bên Tàu, vào đời Tần Thủy-hoàng (246-208 tr J.C.) ngùn-ngụt bốc lên ngọn lửa bài nho! Sách vở, sót lại từ đống tro tàn, tất nhiên không thể truyền sang đây cách đầy đủ được. Đến Hán, phong-trào mộ phật, cầu tiên xô đẩy một thời (4). Đương đầu với đạo Nho, Phật, Lão cũng chiếm thế-lực giữa vòng người Tàu từ đó. Hán Võ-đế (140-85 tr J.C) dầu muốn riêng tôn đạo Nho, công nhận nó làm quốc-giáo, song Phật, Lão vẫn ngấm ngầm có ảnh-hưởng khắp nội địa Tàu

Khi chịu chi-phối dưới văn-hóa trung-hoa, Việt-nam mở cửa hoan-nghênh cả ba đạo đó.

Như trước đã nói, người mình từ đời Bắc-thuộc đã chịu phép báp têm làm tín đồ Phật rồi.

Trên những trang đầu bộ sử «độc-lập» còn in biết bao nhiêu dấu vết sùng Thiền: Đinh-Tiên-Hoàng phong Ngô-Chân-Lưu làm Khuông-Việt thái-sư; Lê-Ngọa-Triều sai sứ sang Tàu cầu kinh Đại-tạng. Rồi từ đó đạo Phật rất được người mình tín-mộ, những người học rộng, biết nhiều đều xuất thân ở cửa Thiền cả. Ăn sâu tư-tưởng nhà Phật, các vị cao-tăng bấy giờ như Đỗ Pháp-Thuận, Ngô Chân Lưu và Vạn Hạnh v.v. thỉnh thoảng ném vào làng văn một vài vần thơ đầy vẻ huyền diệu, cao siêu, gây thành từ đó một cái phong trào «Phật hóa» trong văn-học giới Nam-việt.

(Còn nữa)

1) Kể cả hai lần Bắc thuộc.

2) *Sách Đại nam quốc ngữ* của Nguyễn văn San hiệu Văn-đa cư sĩ, đời Tự đức (1848-1883) có chép rằng: «Sĩ vương bắt đầu lấy tiếng tàu dịch ra tiếng ta, nhưng đến chữ *thư cưu* thì không biết ta gọi là chim gì, đến chữ *dương đào* thì không biết ta gọi là quả gì.»

Trong bài «*Chữ nôm với quốc ngữ*» của Sở cuồng Lê Dư, đăng ở Nam phong, có nói: «.. Sĩ vương là người đất Quảng tin, quân Thương-ngô, thuộc về tỉnh Quảng tây nước Tàu bây giờ, mà bên ấy từ xưa đã có một thứ tục tự hệt như thứ chữ nôm của ta, bắt đầu lấy những thi thư của Tàu dạy cho dân ta mới, suy theo lối chữ tục ấy bày ra cách chữ nôm của ta..»

3) Có người thấy trong sử Tàu có chỗ chép dân An-nam gọi vua là «*bì liên*» bèn cho rằng «bì liên» tức là «*bề trên*» viết theo chữ nôm của ta mà người Tàu không biết, nên mới tưởng là tiếng tôn xưng nhà vua Rồi nhân thế, tin rằng chữ nôm đã có từ hồi Bắc-thuộc vì căn cứ ở hai chữ «*bì liên*» ấy. Như vậy cũng giống trường hợp tin tưởng hai chữ «*Bố cái*» nói trên.

(4) Đời Hán Minh đế, năm Vĩnh-bình thứ 8 (năm 69), kinh Phật đã theo Thái-Tịch, sứ giả nhà Han, đi vào Trung-hoa. Han Võ-đế thích thần tiên, cầu chuốc các phương-sĩ ở miền Tề, Lỗ.

Cùng các đại lý

Một khi các ngài làm relevé trả tiền báo, xin các ngài gửi trả cả báo còn lại cho để tiện việc sổ sách. Cảm ơn các ngài lắm lắm.

Hộp thư

Ông Yên sơn V l. Không thể chiều ý ông được. Báo ông gửi trả không đúng với relevé của ông. Ông cho biết rõ 4 số ông giữ lại là số gì và làm lại relevé cho. Còn việc kia không thể chiều ý ông được.

Ông Mỹ liên, Qui nhơn. Ông gửi trả ngay cho 34 số báo còn lại.

Bạn Long Điền Haiphong — Tôi đã nhận thư. Vì bạn quá, chưa giả nhời xin tha lỗi. Về những câu hỏi xin để tra cứu. Còn bài N. T. V. O N. 13 T., sẽ đăng. Cảm tạ. T.-Đ.

Nhân bài diễn-văn của Thủy-quân Trung-tá DUCOROY

CHIỀU hôm 5 Novembre 1941, trước hàng nghìn thính-giả, Trung-tá Ducoroy đã đọc một bài diễn-văn về thể-thao tại rạp chiếu bóng Majestic. Thính-giả phần đông là nam nữ học-sinh Pháp-Nam lúc nào cũng hết sức chăm-chú nghe.

Họ có cảm-tưởng là đang ngồi trước một người «anh cả» để nhận những lời giáo-huấn.

Trung-tá, người có cái nhiệm-vụ, cũng như toàn ban thể-thao Đông-dương, cải-cách và tổ-chức lại nền thể-thao xứ này cho được hoàn-toàn.

Ai cũng biết đã từ lâu nền thể-thao ở đây tuy có tiến được một ít nhưng mới chỉ là tiến về hình-thức thôi. Xứ Đông-dương sau này cần phải có những nhân-tài về thể-thao để dìu-dắt tất cả dân-chúng lên con đường khỏe-mạnh tươi-sáng, nhưng không kém về mặt trí-dục và đức dục. Vì thể-dục cần phải đi đôi với trí, đức-dục thì sự giáo-dục mới được hoàn-toàn. Những danh-nhân ngày xưa như Platon, Victor Hugo và A exandre Dumas toàn là những nhà quán quân về môn chạy bộ cả

Hiện nay Chính-phủ lập trường huấn-luyện ở Dalat cũng không ngoài ý muốn cho dân-chúng có bộ ngực nở-nang, có những bắp thịt to, chắc với khối óc tỉnh-tao để sau này chịu-đựng được những nỗi vất-vả, khó-khăn ở đời.

Vậy chúng ta và các hội thể-thao xứ này hãy gom-góp tài-sức để giúp Chính-phủ lập những sân vận-động ở toàn cõi Đông-dương, để đổi những vườn hoang của các sở công tư ra những sân vận-động đẹp-đẽ, đầy-đủ.

Trong khi những thanh niên các lâu-bang đang lo bồi-bổ cho sức khỏe, cho tâm-trí thì, trái lại, thanh-niên Nam-việt bị một cơn khủng-hoảng tai-hại về tinh-thần ! Nếu đi lùi lại cách đây mươi năm, ta sẽ thấy những hình-ảnh các thiếu-niên gầy yếu, ủ rũ, chán đời lần-lượt hiện trong trí ta ! Mà sự khủng-hoảng tai-hại về tinh-thần đó một phần lớn cũng vì ảnh hưởng nhưng sách ngôn tình quá « *son trẻ* » và những tiểu-thuyết *kiếm-hiệp* đầy huyền-hoặc của một hạng văn-sĩ hay của những nhà xuất-bản trục lợi đã nhẫn tâm đầu độc thanh-niên!

Hơn lúc nào hết, bây giờ chính là lúc chúng ta phải đoàn-kết chung-quanh Chính-phủ để bước lên con đường tươi-sáng, khỏe mạnh. Chúng ta không được *dung túng* những sách nhảm nó đã làm đồi-bại xã-hội Việt-nam cũng như ta không được dung túng những khuynh-hướng ủy-mị những hiếu-thượng văn-nhược bấy lâu đã ám-ảnh đầu-óc thanh-niên và làm yếu-đuối tinh-thần tiến-thủ của dân-chúng.

HOA-NAM
Phan-kỳ-Nông

Danh nhân

Phò-mã Nguyễn Tri-Lâm
(1844—1873)

ÔNG Nguyễn Tri-Lâm là người làng Chí-long, tổng Chính-lộc, huyện Phong-điền, tỉnh Thừa-thiên. Ông là con thứ hai ông Tổng-thống quân-vụ Nguyễn Tri-Phương và là cháu gọi ông Nguyễn Duy (1) bằng chú.

Ông sinh ngày 19 tháng tư năm Giáp-thìn (1844), tại làng Chí-long. Thiếu thời, học-hành rất siêng-năng, tính-nết rất thuần-hậu, ông không hay ỷ mình là con quan đại-thần mà kiêu-ngạo. Năm 20 tuổi, vì nhờ cha có nhiều chiến công, ông được vua gả cho Đồng-Xuân công-chúa và được phong Phò-mã đô-úy.

Năm Tự-đức thứ 24 (1871), ông thấy cha già phải luôn bận việc quân ở Bắc-kỳ, bèn làm sớ xin ra theo đi Tam-Tuyên quân-thứ để phụng dưỡng Lúc ấy, ông Nguyễn Tri-Phương đã 72 tuổi, mà việc quân lại phân-phiền, nên giữ ông Lâm ở lại giúp việc.

Ngày 28 tháng chín, năm Tự-đức thứ 26 (1873), ông theo cha đem binh về giữ tỉnh Hà-nội. Đến ngày mồng một tháng mười năm ấy, quân Pháp hạ thành Hà-nội. Bấy giờ ông giữ cửa đông-nam, khi nghênh địch, chẳng may trúng đạn, mất tại trận tiền, thọ 29 tuổi.

Sớ tâu về kinh, vua Tự-đức rất lấy làm thương tiếc, mới ban dụ rằng: « *Làm tôi thì chết theo điều trung với nước, làm con thì chết theo điều hiếu với cha, thật đáng khen-ngợi ! Phò-mã Nguyễn Tri-Lâm không phải trách-nhiệm cầm quân ra trận, nay chết về việc hiếu nghĩa, trên giả được nợ nước, dưới không phụ tình cha. Thật đáng là bậc tu-mi đứng trong hoàn-vũ. Vậy truy tặng hàm Binh-bộ Tả thị-lang để biểu-dương* ».

Vua lại cấp 300 quan tiền tuất để lo việc tẫn-liệm ; sắc cho quan-lại Hà-nội cấp binh phu tiễn tống linh-cữu về kinh và an tang tại làng. Mộ ông ở thôn Đại-phú, tỉnh Thừa-thiên.

Nhà nước lại cho tùng tự vào miếu Công-thần và đền Trung-hiếu.

Đến năm Tự-đức thứ 28 (1875), vua lại phê lập nhà thờ Trung-hiếu tại làng Chí-long để thờ-tự (2).

Phò-mã Nguyễn Tri-Lâm được hai con giai đều hiển-đạt : Trưởng là Nguyễn Tri-Kiểm làm đến Hộ-bộ Thượng-thư, rồi về trí-sĩ ; thứ là Nguyễn Tri-Tri, ấm-thụ cẩm-y hiệu úy. Thật là một nhà trung hiếu lưỡng toàn.

1) Coi Tri Tân số 5.

2) *Trong bài dụ tế của quan khâm mệnh có những câu :* «Nhĩ tử Nguyễn Lâm, tiên nhĩ dĩ vong, oanh oanh, liệt liệt, hào tố nhất trường Thị huynh, thị đệ, thị phụ, thị tử, cổ chi B ện môn đãi bất quá thử ! Ô hô ! vi thần năng trung ư quốc ! Ô hô ! vi tử năng hiến ư thân ! Duy trung dữ hiếu, nhất môn hàm tụy... »

TIỀN-ĐÀM

Mùa đông trên đất Nga có ảnh-hưởng gì đến chiến-sự và đến cuộc chiến-tranh Nga-Đức không?

NHẬT - NHAM

NGÀY 24 Juin 1812, bốn triệu quân của Hoàng đế Nã phá-luân qua sông Niémen tràn vào đất Nga. Quân Nga do các tướng Barclay de Tolly và Bagration chỉ huy giữ thế thủ, vừa kháng chiến, vừa rút lui. Vua Nã phá luân đuổi theo đến thành Smolensk, định bao vây, nhưng vô hiệu! Vì quân đội của ngài một nửa là người ngoại quốc, tâm không chuyên. Thẳng đường tiến đến kinh thành Mạc tư khoa! Sau một trận huyết chiến, đến ngày 7 septembre 1812, Hoàng đế chiếm được thành trì! Nhưng Mạc tư khoa khi ấy chỉ còn là một đống tro tàn, khói bay nghi ngút! Quân Nga, trước khi từ giã kinh thành, đã dùng lửa thiêu hủy hết các dinh thự, kho tàng, không để cho bên địch được hưởng tí gì...

Kịp mùa đông tới! Đất Nga, dưới các trận mưa bão tuyết, thành một băng dương trên cạn bao la bát ngát. Quân vua Nã phá luân đã tuyệt lương thực, lại không quen với cái rét cùng cực, nên chết đói và chết rét rất nhiều! Hoàng đế phải nghĩ ngay đến việc rút quân, không dám thê lưu trong nước Nga. Còn non 10 vạn người, sức cùng lực kiệt vì đói và rét, thẳng đường Smolensk rút lui, gặp quân Nga chặn lối, chưa đánh, đã mất hết nhuệ khí và trật tự. Hoàng đế Nã phá luân phải trải bao gian hiểm mới thoát khỏi trùng vi.

Khi qua sông Bérésina, gặp nhiều nỗi khó khăn nguy hiểm! Đại tướng Ney đi hậu tập, hết sức binh sinh mới che chở quân bản bộ được vô sự!..

Đến 16 Décembre 1812, chỉ còn 18 nghìn quân vượt qua sông Niémen ra khỏi đất Nga.

Thế là lúc khởi hành có 4 triệu quân, khi về còn lại 18 nghìn người!

Số thiệt hại to như thế, đủ một phần vì trong quân đội có nhiều người ngoại quốc ô hợp, không được tinh nhuệ, nhưng cái duyên cớ chính không ra ngoài sự tàn sát của lưỡi «dao hàn»!...

Bao năm đông chinh, tây phạt, chiếm được gần hết châu Âu, một vị đại anh hùng như Hoàng đế Nã phá luân, khi bước chân vào đất Nga, cũng phải thất bại trước sức mãnh liệt của thần Rét! Đủ biết trải bao năm, Nga giữ được nguyên vẹn bờ cõi, một phần to cũng nhờ cái đại hàn của Tạo hóa dành riêng cho đất nước vậy.

Hơn một thế kỷ qua! Cũng ngày 24 juin, cách đây 5 tháng, Đức khai chiến với Nga, kéo quân qua biên giới, tràn vào nội địa. Tuy quân Nga kháng chiến một cách anh dũng, nhưng Đức nhờ có quân hùng, tướng hổ, có khí cụ tối tân, có chiến lược xảo trá, nên vẫn giữ phần thắng lợi. Qua mấy tháng chiến tranh, Đức chiếm được xứ Ukraine có nhiều mỏ dầu, nhiều thị trấn kỹ-nghệ, nhiều sản-vật, tức là một phần to trên đất Nga và hiện nay đương công-kích dữ-dội vào thị trấn Léningrad và kinh-thành Mạc-tư-khoa.

Nhưng theo tin từ mặt trận đông đưa lại, thì những cuộc tấn công ấy rất tri chậm!

Hiện nay đã bắt đầu rét, rét mỗi ngày một tăng lại càng tăng những trở lực cho cuộc tấn công của Đức. Nhưng, trái lại, mùa đông giúp Nga kéo dài cuộc kháng chiến để đủ thì giờ huấn luyện quân sĩ và tiếp nhận khí-cụ của Anh-Mỹ đưa lại.

Thực vậy, thời tiết không lợi cho quân Đức trên chiến tuyến Kalinine-Toula quanh thành Mạc tư khoa. Gần đây lại có tin quân Nga phản công lấy lại được nhiều thị-trấn.

Tại mặt trận Léningrad, hai bên đương đánh nhau trên cửa sông Neva trong hồ Ladoga. Nước hồ sắp kết thành băng... Quân Nga bị vây trong thành Léningrad, một khi thất trận, có thể do phía tây nam hồ này rút lui. Quân Nga lại dùng đường tuyết này để vận tải lương thực vào Léningrad và làm đường sinh lộ cho dân chúng đi lánh nạn.

Đức đương tấn công trên bờ Hắc-hải, sắp chiếm được hết bán đảo Crimée trừ đô thành Sébastopol, định thẳng đường kéo quân vào chiếm các mỏ dầu miền Caucase. Nhưng, trước khi tới đích, phải qua một bức trường thành hiểm trở, một giải hoành sơn tuyết phủ. Qua được? Tất phải qua nhiều nỗi gian lao nguy hiểm!

Nga cũng đã phòng bị đem quân tới miền tây giải núi Caucase để chặn đường Đức từ Crimée kéo tới.

Phần-lan chiếm xong Kontrepohjia, hãm Nga vào một tình thế khó khăn giữa Bạch hải và hồ Onoga. Phần lan định tiến quân đến bờ Bạch hải, nhưng đương gặp nhiều sự khó khăn vì đại hàn.

Xét qua các mặt trận: hai bên vẫn đánh nhau một cách dũng mãnh, song Đức tiến rất chậm, vì mùa đông đã đến đem lại nhiều trở lực trong việc hành sự.

Từ Bắc-băng-dương đến bờ Hắc hải, hai quân Nga - Đức đương huyết-chiến trên bùn lầy, trên băng, tuyết, dưới những trận mưa gió rét cùng-cực!...

Trên miền Nam-Nga, rét đã bắt

Sắp có bán

Sắc đẹp ngai vàng

tiểu-thuyết

của *CHU-THIÊN*

giá 0$40

đầu dữ-dội mà tuyết đã bao phủ một phần to đồng-bằng Ukraine. Tới Janvier, kinh-thành Kiev, xứ này, rét lại càng ghê-gớm, rét hơn cả thành Hammerfest xứ Na-uy trên miền Bắc-băng-dương.

Một khi, khí trời ấm-áp, tuyết phủ trên đất Nga tan thành nước, làm cho mặt nước lầy-lội, trở-ngại cho việc vận-tải quân-sĩ và lương-thực.

Đức công-bố đã dự đủ phương-pháp để theo đuổi cuộc tấn-công trên đất Nga trong mùa đông này. Đức sẽ không ngừng tay, khiến quân Nga không đủ thì giờ tổ-chức lại quân đội để kéo dài cuộc kháng-chiến đến mùa xuân sang năm. Bộ tư-lệnh Đức đã huấn-luyện quân-sĩ với chiến lược trên mặt tuyết và chế-tạo đủ các dụng-cụ cho kỵ-binh và bộ-binh chiến-đấu dưới trời đông lạnh-lẽo.

Về phần Nga vốn sinh trưởng tại nơi mình đương kháng chiến, đã quen dạn-dày với băng, tuyết, lại đủ khí-cụ tiện-dụng hợp với thời-tiết, nên tỏ vẻ lạc-quan! Chẳng thế Staline công-bố chỉ sau tháng nữa là đánh bại được Hitler!

Năm 1940, Nga đánh Phần-lan, giữa vụ rét, đã không thiệt-hại, lại còn chiếm phần thắng-lợi. Vốn quen sống trong sương mù, gió lạnh, Nga càng phấn kích để hi-sinh cho tổ-quốc, để tỏ cho thế-giới biết mình cùng đại-hàn là bạn tương-tri!

Nga vẫn chưa giảm sức kháng-chiến, tuy sau mấy tháng chiến-tranh, đã tổn-hại rất nhiều. Nếu một khi Mạc-tư-khoa thất-thủ, Nga sẽ tiến quân về miền Oural và Tây Bá-lợi-á là hai nơi có nhiều mỏ sắt và nhiều xưởng chế-tạo. Cuộc chiến tranh Nga-Đức cũng chưa sớm kết liễu được.

Mà hiện nay theo các đường giao thông từ các hải-khẩu Mỹ đến vịnh Ba tư, rồi do thương khẩu Bandar Snapur (trên bờ bể Ba-tư) là đầu đường hỏa-xa qua Ba-tư tới Nga, Hoa-kỳ, tải nhiều chiến xa, phi-cơ, khí-cụ sang giúp Nga mỗi ngày một nhiều, theo với số sản-xuất mỗi ngày một tăng.

Anh cũng đem quân sang giúp Nga do hải-cảng Arkhangelsk trên Bạch-hải.

Xét qua tình-hình chiến-sự với số quân Nga rất nhiều, với thời-tiết rét lạnh, với sự giúp-đỡ Anh-Mỹ, tất Nga có thể kéo dài cuộc kháng chiến sang xuân.

Theo binh-pháp Tôn-tử, kẻ làm tướng phải biết đạo dụng binh, đạo dụng binh phải lấy « nhân hòa làm gốc, lại phải thuận thiên thời và đắc địa lợi », đủ ba điều ấy, nhiên hậu mới mong thắng địch. Hiện nay, tật phong, đại hàn, chẳng biết Quốc-trưởng Đức có đủ tài quán-thế, nhân thiên-thời lợi hại chế nghi, để kết-liễu cuộc chiến-tranh Nga-Đức trước mùa xuân sắp tới, để ra ngoài công-lệ của Tạo-hóa hay không?

Được như thế thì câu « nhân định thắng thiên » không phải là sáo-ngữ vậy!

NHẬT-NHAM

Đón coi

Truyền thuyết đời thượng cổ nước Tàu
của Vệ Thạch Đào Duy Anh

Nguyên nhân sâu xa của phong trào thơ mới của Hoài Thanh

Tại nhà hát Tây, tối thứ bảy 15-11-41, hồi 9 giờ

Buổi hát đặc biệt giúp B. D. P. Đ. có quan Đốc-lý chủ-tọa

ĐÁT-KỶ một cô có sắc mê hồn, tâm địa như MESSALINE của La-Mã, sẽ ra mắt Hà-thành, do gánh Tây-thi giới-thiệu

Các nhà từ thiện đi xem buổi diễn kịch tại nhà hát Tây tối thứ bảy 15 Novembre 1941 là giúp công việc Bình-dân phạn-điếm của hội Hợp-thiện Bắc-kỳ.

Tin vắn hằng tuần

ĐÔNG-DƯƠNG

Đặc-sứ Nhật bản tại Đông dương đã tới Hà nội hôm 8 Novembre 1941.

Hoàng tử Bảo Long đã làm lễ cưới phi cơ.

10 Novembre 1941, tại Huế có cuộc triển lãm y khoa. Cuộc triển lãm này sẽ mở tại Hanoi trong tháng Décembre 1941.

27 Novembre 1941, tại trường Hàm long Hanoi sẽ mở kỳ thi thừa phái.

12, 13 Mars 1942, tại Hanoi, Huế, Saigon, Phnom Penh, Vientiane sẽ mở kỳ thi tuyển 57 viên tham tá tập sự vào các công sở thuộc phủ Toàn quyền.

QUỐC-TẾ

Sau việc ám sát Đại tướng Đức Hotz tại Nantes ngày 20 Octobre 1941, sở cảnh sát đã bắt được thủ phạm hình như là người Do thái.

Tàu Takuyen Maru của Nhật bị đắm trong hải phận Nhật, chưa biết duyên-cớ.

Chính phủ Trùng khánh sắn lòng để Hoa-kỳ kiểm soát và phòng thủ đường Diến-điện.

Nhà bác-học Max Jayle bị tai-nạn, phải hỏng mắt trong khi đang làm việc tại phòng thí-nghiệm hóa học ở viện Institut de Puériculture!

Cuộc thi văn-chương của Hội Truyền-bá Quốc-ngữ gia thêm một hạn nữa

Đáng lẽ cuộc thi văn-chương của bản-hội đến đầu tháng Novembre là hết hạn gửi bài. Song có nhiều hội-viên viết thư đến yêu-cầu gia thêm một hạn nữa. Vậy xin chiều ý, gia hạn đến hết tháng Décembre 1941.

Bản hội đã nhận được của một nhà từ thiện ẩn-danh gửi quyên 10$00 Hội xin có lời cảm-tạ.

Phòng thường-trực của Hội trước ở số 28 phố Nguyễn-Trãi, nay dọn lại số 143 phố Henri d'Orléans. Xin bá-cáo để các hội-viên biết.

Hội Truyền-bá Quốc-ngữ lai-cảo

Dẫn-giải và chú-thích bài văn tế trong lễ truy-điệu trận vong tướng-sĩ do Tiền-quân Thành tổ-chức

NHẬT-NHAM

NGUYỄN-VĂN-THÀNH, nguyên quán Thừa-thiên, di-cư vào Gia-định đã hai ba đời, theo vua Gia-long từ khi khởi binh đánh Tây-sơn, đã từng vào sinh, ra tử, « cung tên ngang dọc chi nam-nhi ».

Sau có công nhớn trong trận Qui-nhơn, được phong đứng đầu hàng công-thần.

Vua Gia-long lấy xong Bắc-hà, triệu Nguyễn văn-Thành ra làm Tổng-trấn : Chỉ mấy năm, đất Bắc-hà được thái-bình thịnh-trị. Sau Thành về kinh, làm chức Trung-quân.

Ông có học-thức uyên-bác, nên Triều-đình cử làm tổng-tài, trông-nom việc trước-tác các sách luật và quốc-sử.

Nguyễn văn-Thành có con là Nguyễn văn-Thuyên đậu cử-nhân, thường hay làm thơ để giao-du với các văn-nhân trong nước. Vì một bài thơ ngông-cuồng, Nguyễn văn-Thuyên bị kết án xử-chảm.

Nguyễn văn-Thành sợ tội, cũng uống thuốc độc mà chết.

●

Trong khi Nguyễn văn Thành làm Tổng trấn Bắc-hà, có đứng tổ-chức một lễ tế để truy-điệu các trận vong tướng-sĩ đã từng giúp vua Gia-long bình quân Tây-sơn. Hình như lễ truy-điệu này tự sáng-kiến Nguyễn văn-Thành, chứ không phải do lệnh Triều-đình bảo tổ-chức. Theo nhời văn tế, thì lễ này làm ngay tháng sau, khi vua Gia-long ở Bắc-hà hồi-loan, nghĩa là vào khoảng Décembre 1802.

Bài văn tế tướng-sĩ ấy tương truyền là Nguyễn văn Thành soạn. Nay dẫn ra dưới đây là trích ở bản chữ nôm *Lệ-ngữ văn-tập*. Bài ấy là một áng văn kiệt-tác trong nền quốc văn cận-đại: nhời văn lưu-loát, nhiều đoạn lâm ly, thống-thiết, nhiều câu hùng-hồn, cảm-kích, nhiều ý cao-siêu... Thực là một thiên tuyệt-tác đáng lưu-truyền muôn thủa trong văn-giới nước nhà.

«...Than rằng

« Giời Đông-phố (1) vận ra sóc cảnh, trải bao phen gian-hiểm mới có ngày nay ! Nước Lô-hà (2) chảy xuống Lương-giang (3), nghĩ mấy kẻ điêu-linh những từ thuở nọ. Đã hay sinh là ký mà tử là quy (4), nhưng mệnh ấy yểu mà danh ấy thọ.

« Ai ôi ! Tình dưới viên-mao (5), phận trong giới-trụ (6) ! Ba nghìn họp con em đất Bái (7), cung tên (8) ngang dọc chi nam-nhi. Trăm hai vây bờ cõi non Kỳ (9), cơm áo nặng dày ơn cổ-chủ. Dấn thân cho nước, son sắt một lòng (10) ; nối nghĩa cùng thầy, tuyết sương mấy độ ! Kẻ thời theo cơ-đích (11) chạy sang miền khách-địa, hăm hở mài nanh dũa vuốt (12), chỉ non Tây thề chẳng đội giời chung (13). Kẻ thời đón việt mao giở lại chốn sơ-cơ, dập-dìu vén cánh nương vây (14), trông cõi Bắc quyết thu về đất cũ. Nằm gai nếm mật (15), chung nỗi ân-ưu (16) ; mở suối bắc cầu, riêng phần lao-khổ.

« Trước tầng trải Tiêm-la, Cao-man về Gia-định, mới dần ra Khánh-thuận (17), đã mấy buổi sơn-phong, hải-lệ (18), giời cao-quang (19) soi khắp tấm kiên-chinh. Rồi lại từ Đồ-bàn (20), Nam Ngãi (21), lấy Phú-xuân (22) mà thẳng tới Thăng-long (23), biết bao phen vũ-pháo vân-thế (24), đất Lũng-Thục(25) lăn vào nơi hiểm-cố.

« Phận truy-tùng (26) gẫm lại cũng cơ-duyên ; trường chiến-đấu biết đâu là mạnh-số ? Kẻ thời chen chân ngựa quyết giật cờ trong trận ; xót nhẽ gan vàng mà mệnh bạc (27), nắm lông hồng (28) theo đạn lạc, tên bay ! Kẻ thời bắt mũi thuyền toan cướp giáo giữa dòng ; thương thay phép trọng để thân khinh, phong da ngựa (29) để bèo trôi, sóng vỗ.

« Hồn tráng-sĩ biết đâu miền minh-mạc (30) ! mit-mù gió lốc thổi dấu tha-hương ! Mặt chinh-phu khôn vẽ nét gian-nan ; lập-lòe lửa chơi soi chừng cổ-độ !

Ôi ! Cùng làng trung-nghĩa, khác sổ đoản, tu (31) ! Nửa cuộc công-danh, chia phần kim, cổ ! Đoái là tiếc xương đồng, da sắt, thanh bảo-kiếm đã trăm rèn mới có, nợ áo cơm phải giả đến hình-hài (32). Nhưng mà dạ đá, gan vàng, bóng bạch-câu (33) xem nửa phút như không, ơn dày đội cũng cam trong phế-phủ (34). Phận dầu không Gác khói (35), Đài mây (36), danh đã dậy ngàn cây, nội cỏ.

« Thiết vì thủa theo cờ trước gió, thân chẳng quản màn sương đệm giá, những chờ xem cao thấp bước cân-thường (37). Tiếc cho khi nhỡ bước giữa dòng, kiếp đã về cõi suối (38) làng mây (39), nào kịp thấy ít nhiều ơn vũ-lộ !

« Vâng Thượng-đức mới hồi-loan thong trước, đoàn ứng-nghĩa dầu Quảng, Thuận (40) Nghệ, Thanh cũng vậy, đội ân-quang gieo khắp xuống Đèo-ngang (41) Mà những người từng thượng-trận ngày xưa, rắp tâu công tự ngọ, vị, thân, dậu (42) tới nay, treo tính-tự để nằm sau lá số. Ngọn cỏ rác nguyệt, nơi tế, nơi vui ! Dịp trống dồn hoa, chốn tươi, chốn ủ !

« Đã biết rằng : anh hùng thì chẳng quản, trăm trận một trường oanh-liệt, cái sinh không, cái tử cũng là không (43) ! nhưng tiếc cho Tạo-hóa khéo vô-tình, nghìn năm một hội tao phùng, phận thủy có, phận chung sao chẳng có !

« Bản-chức nay : vâng việc biên phòng, trạnh niềm viễn-thú. Dưới trướng nức mùi chung-đỉnh, sẽ nhớ khi chén rượu rót đầu ghềnh ; trong nhà rõ vẻ áo xiêm, trạnh nghĩ buổi tấm cừu vung trước gió. Bâng

khuâng kẻ khuất mấy (với) người còn ; tưởng-tượng thầy đâu thời tớ đó.

« Nền phủ-định (44) tới đây còn sốc-nổi, vụ lòng một lễ : chén rượu, thoi vàng. Chữ tương-đồng ngẫm lại vốn đinh-ninh, đông mặt ba quân, cờ đào, nón đỏ Có cảm thông thời tới đó khuyên mời ; dầu linh thinh hãy nghe nhời dặn dỗ. Buổi chinh-chiến hoặc là oan hay chẳng, cũng chớ nề kẻ trước người sau, hàng trên lớp dưới, khao thưởng rồi sẽ tấu biểu dương cho. Hội thanh-bình đừng có nghĩ rằng không, dù ai còn cha già mẹ yếu, vợ hóa con thơ, an tập hết cũng ban tồn-tuất đủ. Hồn-phách đâu cũng ngày tháng Thuấn, Nghiêu, hài cốt đó cũng nước non Thang, Vũ (45).

« Cơ huyền-diệu hoặc thăng - trầm chưa rõ, thiêng thời về cố - quận để hương thơm lửa sáng, kiếp tai-sinh lại nhận cửa Tiền-quân. Niềm tôn-thân dù sinh-tử chớ nề, linh thời hộ hoàng-triều cho bền lặng sông trong 46), duy vạn kỷ chẳng dời ngôi bảo-tộ (47).

« Thượng hưởng »

---

1. Tên cũ của thành Gia-định Saigon).

2. Sông Thanh-giang, sông Ngâu hay sông Tuyên.

3. Lương-giang hay Phú-lương-giang chỉ là đoạn dưới sông Nhị-hà.

4. Sống là gửi mà thác là về. Theo sách *Hoài - nam - tử* thuật chuyện : Vũ-vương đi kinh-lý miền nam, sắp qua sông, gặp rồng vàng đội thuyền ngự lên khỏi mặt nước. Mọi người trong thuyền đều sôn-sao lo-sợ. Riêng Vũ-vương vui-vẻ, vừa cười, vừa nói : « Trẫm vâng mệnh trời, đem hết tâm-lực để mưu hạnh-phúc cho muôn dân. *Sống gửi, thác về,* có ngại gì mà phải sợ ! » Vua nhìn rồng với đôi mắt không chớp mà diện - mạo không hề thay đổi. Con rồng cúi đầu, vẫy đuôi, lặn xuống nước biến mất.

5. Viên là xe trận ; mao là cờ đuôi nheo.

6. Áo giáp và mũ hàng võ.

7. Vua Hán Cao-tổ, sau khi giết chết bạch-sà, họp 3.000 quân đất Bái, để dấy nghiệp.

8 Trong sách Lễ-ký có nói : Sinh con trai thì treo một cái cung bên trái cửa ra vào ; sinh con gái thì treo một cái khăn mặt bên phải cửa. Vua sinh hoàng-tử thì xạ-nhân lấy cung bằng gỗ dâu và tên bằng cỏ bồng, bắn sáu phát tên lên trời, xuống đất và ra bốn phương. Như vậy là muốn cho hoàng-tử sau này làm nên nhiều sự-nghiệp hiển-hách.

9 Núi ở tỉnh Thiểm-tây, xưa là nước Tần, một chỗ hiểm-yếu về quân-sự ở thời-đại cổ.

10. Do những chữ « đan-tâm, thiết-tâm » mà ra.

11. Theo đi cầm cương ngựa cho vua Lễ-ký chép : Vệ Hiến-công trở về nước Vệ, khi tới biên-giới, muốn chia đất để thưởng công cho tướng-sĩ trước khi về kinh Liễu-Trang tâu : Nếu ai nấy đều muốn lưu lại để giữ xã tắc, thì còn ai muốn theo đi để cầm cương ngựa cho bệ-hạ nữa ?

12 Ví quân-linh như hùng hổ có nanh vuốt.

13. Thù nhớn. Theo chữ nho : Bất cộng đới thiên.

14. Nhân-tài tự mình tình-nguyện đem tài riêng giúp vua để nhờ vua che-chở.

15. Câu-Tiễn đánh Ngô, bị bại trận, trở về nước, muốn không quên thù cũ, bèn lấy gai làm giường, lấy mật nếm luôn để nhớ việc phục-thù.

16. Lo buồn.

17. Hai tỉnh Bình-thuận và Khánh-hòa.

18. Gió núi và nước ngọt giữa bể.

19. Trời cao, mây sáng. Lại còn nghĩa : Cao-Tổ và Quang-Vũ là hai ông vua nhà Hán. Cao-Tổ lập cơ-nghiệp nhà Hán. Quang-Vũ dựng cơ-nghiệp Trung-hưng.

20 Kinh-thành nước Chiêm-thành tại Bình-định.

21. Quảng-nam và Quảng-ngãi.

22. Huế bây giờ.

23. Thành Hà-nội.

24. Mưa đạn, thang mây.

25. *Lũng* là Lũng-tây tỉnh Thiểm-tây , *Thục* là tỉnh Tứ-xuyên.

26. *Truy tùy* là theo đòi.

27 Gan-dạ thì kiên-trinh như vàng ; số-mệnh thì mỏng-mảnh.

28 Hồng-mao. Người ta chỉ có một lần chết : hoặc chết nặng như Thái-sơn, hoặc chết nhẹ như lông hồng. Coi cái chết vì quốc-gia nhẹ như lông hồng. Ấy là một cái chết đáng quý, đáng trọng. Theo điển Thái-sơn nhất trịch khinh hồng-mao.

29. Truyện Mã-Viện : Người nam-nhi phải chết ngoài biên-viễn hay nơi chiến-trường, thây gói trong da ngựa, không nên chết trên tay nhi-nữ như kẻ tầm thường.

30. Bể rộng.

31. Số - mệnh người ta, kẻ dài, người ngắn, không ai giống ai.

32. Kinh nhà Phật : Hữu hình tất hữu hoại

33. Tiền - Hán - thư có chép : Trương-Lương muốn theo đời tu-hành chịu khổ-bạnh. Lã-hậu ngăn cản và bắt ăn uống, lại bảo rằng : « Người ta sinh trên thế-gian như bóng bạch câu qua cửa, hà tất phải hủy-hoại thân mình ? »

34. Phổi và lá lách.

35. Lăng-yên-các : Ngày mậu-thân tháng hai niên-hiệu Đường Thái-Tôn thứ 17, họa-tượng các công-thần đều cho treo tại Lăng-yên-các

36. Vân-đài. Niên-hiệu Vĩnh-bình, vua Hiến-Tôn truy-tặng các tiền thế công-thần, sai họa di-tượng 28 vị tướng-súy đã giúp tiên - vương, treo tại gác Vân-đài ở Nam-cung.

37. Cờ dùng trong các trận. Cờ *thường* có thêu mặt trời, mặt trăng. Cờ *cân* thêu rồng chầu. Trên mặt cờ thường có thêu tên các tướng-sĩ có chiến-công oanh-liệt. Trong sách *Thư-quân-nha* có câu : « Nếu anh có nhiều chiến-công hiển-hách, tên anh sẽ ghi trên đại-thường. »

38. Suối vàng là âm-phủ, xã-hội người chết.

39. Làng ở trong đám mây.Người Hoa-phong chúc vua Nghiêu : « Khi

Xem tiếp trang 20

Góp vui

Cô nàng dệt vải

NĂM Thiệu-hưng, có người quả-phụ, đêm ngồi dệt vải, bỗng thấy một cô gái trẻ đẩy cửa vào, cười nói: « Bà già không ngại vất vả ư? » Mụ nhìn ra, thấy người ấy độ 18,19 tuổi, dáng-điệu thanh lịch, quần áo rực-rỡ, mụ kinh sợ: hỏi ở đâu lại. Cô gái trả lời « Thương mụ ở một mình, nên lại làm bạn cho vui. »

Mụ nghi là người nhà hạng quyền-quý nào đi trốn, gặng lại thì nàng đáp: « Tôi cũng như mụ, cùng cảnh cô-đơn, mến mụ thanh-khiết, nên lại cùng ở cho đỡ vắng-vẻ buồn tẻ, chẳng hay sao? » Mụ già lại nghi là hồ, thì nàng đã ngồi vào khung cửi, tay dệt và nhủ: « Mụ chớ lo, việc làm này tôi cũng quen, không dám để lụy đến mụ sự cơm nước. »

Mụ thấy nàng uyển chuyển dễ yêu, cũng yên tâm. Đến đêm khuya, nàng lại bảo: « Chăn nệm đem lại còn để cả bên ngoài. Chốc có ra, mụ đem vào hộ » Mụ ra, quả thấy một bọc lớn, đem trải lên giường, không biết bằng thứ gấm vóc gì, hương xông mùi lạ. Mụ lên giường, cùng nàng chung chăn. Khi nàng áo ngoài cởi ra, thơm sực nức nhà. Nằm bên, mụ thầm nghĩ: « gặp gỡ giai-nhân nhường này, tiếc mình không phải là thân nam-tử! » Nàng bỗng cười hỏi: « Bà già đã 70, còn nghĩ nhảm ru? » Mụ chối Nàng hỏi: « nếu không nghĩ nhảm, sao lại ước được là thân nam-tử? » Mụ cả sợ, càng nghi là hồ. Nàng lại cười: « Đã ước làm thân nam-tử, sao lại còn sợ? » mụ kinh lạ, run rẩy rung cả giường! nàng nói tiếp: « Can đảm, nhường vậy, mà còn dám mong làm đàn ông! Xin nói thực mụ: hay ta là người tiên không đem họa đến mụ đâu, song nên giữ kín, sự ăn mặc sẽ đầy đủ ».

Sớm dậy, mụ lạy ở trước giường. Nàng giơ tay kéo lên, tay nàng mềm như mỡ thoang thoảng hương thơm, mới chạm vào da nàng, đã thấy mát rượi lại nảy vọng tưởng. Nàng cười bảo: « Bà già vừa xong run sợ, đã lại nghĩ nhảm rồi! Nếu làm thân trượng-phu, cũng đến chết vì tình thôi! » Mụ thưa: « nếu làm thân trượng-phu, đến nay thực không khỏi chết! »

Từ đấy hai người hòa hảo, ngày cùng làm ăn. Hàng do tay nàng dệt, nhỏ mịn óng chuốt, tuy vải thường mà đẹp hơn gấm vóc, giá bán đắt gấp bội. Mỗi khi mụ đi, cửa liền đóng chặt, có ai gọi, làm như nhà bên lên tiếng. Được hơn nửa năm, tuyệt không ai hay.

Về sau, mụ già hở môi, người xóm biết; chị em cầu mụ cho ra mắt. Nàng từ chối: « Mụ không giữ lời, tôi đến không ở được lâu! » Mụ hối hận tự trách. Song kẻ cầu kiến càng nhiều, có người lấy thế bức bách, mụ phải khóc kêu nài. Nàng bảo: « nếu là bạn gái, gặp cũng không ngại gì. chỉ sợ bọn trai khinh bạc lẫn vào, sinh sự khó chịu! » Mụ van lơn khẩn-thiết, nàng mới thuận cho.

Hôm sau, bà già, gái trẻ đem theo hương hoa, tới tấp gặp nhau ở ngoài đường Nàng chán sự phiền nhiễu, nên bất cứ sang bên, không nói năng cùng ai, chỉ lặng lẽ ngồi yên.

Con trai trong làng mộ tiếng nàng đẹp tuyệt, hồn mê ngây ngất, song mụ từ tạ hết.

Có Phí-sinh danh-sĩ trong ấp, vung tiền lót mụ để cầu kiến. Mụ tham của nhận lời và khẩn-cầu nàng. Nàng như biết rõ, trách: « Mụ bán ta ru? » Mụ sợ, lạy rồi tự thú. Nàng nói: « Mụ tham của, ta cảm lòng s, gặp một lần cũng được. Thế nhưng thôi, duyên-phận thế là hết! » Mụ gặng xin, nàng hẹn hôm sau.

Phí sinh được tin, mừng rỡ, sắp sửa hương hoa đến. Vào đến cửa, cúi mình vái dài. Nàng đứng sau màn, nói ra:

— « Chàng phá sản để cầu kiến, vậy có điều gì dậy-bảo chăng? »

Sinh đáp:

— « Chỉ vì trộm nghe danh Vương-Tường, Tây-Tử, nên tôi khát-khao hâm-mộ. Nếu không đem lòng khinh bỏ, cho được mở xa tầm mắt, thì tôi được thỏa ước-nguyện lắm rồi. Còn ngoài ra, đã có định số, không dám biết đến. »

Sinh bỗng thấy sau bức màn thưa, dung-quang lộng lẫy, đào thắm, ngọc biếc, nhìn rõ như không có gì che cách. Sinh, ý mê, thần loạn, nghiêng mình lạy phục. Lúc ngẩng lên, màn phủ lặng im, bóng hồng tuyệt nẻo, tiếc mới được nhìn một nửa! Bỗng thấy gấu màn rung động, giầy gấm cong thuôn,

Thống chế Pétain đã nói

«Đối với những người Pháp hãy còn đần-đo, ngờ-vực, thì ta xin cân-nhắc những sự tiến-bộ mà nước Pháp đã làm nên từ buổi đình-chiến. Từ sự thực-hiện của Chính-phủ đương-thời đến lời hứa-hẹn lừa-dối của đảng nghịch, thử hỏi nên chọn đằng nào?»

nhỏ như ngón tay, sinh cảm mê, lạy phục. Trong màn, tiếng vọng ra thanh nhẹ: «Xin chàng lui gót, thiếp người hơi mệt.»

Mụ già mời sinh sang nhà bên dùng trà. Sinh cầm bút đề lên vách rồi đi:

Thấp-thoáng sau màn gấm,
Gót sen sinh như măng.
Nhìn hoa rơi mặt đất.
Xui lòng khách đeo thương...
Ngành hoa cong mái phượng,
Mầu như áng tơ vương
Ước hóa thân hồ-điệp
Gấu áo lượm dư hương.

Nàng xem thơ, lòng không vui, bảo mụ: «Ta nói duyên-phận hết, nay quả không sai.» Mụ lạy chịu tội. Nàng nhủ: «Tội không riêng mụ, ta gieo tình chướng, đem sắc đẹp phô với người; nay bị lời dâm-từ làm nhuốc, thế là lỗi tự ta chuốc lấy, mụ có can gì! Nếu không vội dời, thân sẽ vương lưới, bao giờ thoát khỏi!»

Nói xong, nàng thoắt ra đi, mụ đuổi theo đã biến đâu mất!

(Liêu-trai chí-dị)

KHẢI-MINH dịch

Những ngày «lịch-sử» trong tháng Novembre

Ngày 13 tháng 9 năm Tân-tỵ — Thứ bảy — 1er Novembre 1941

Ngày nay, năm Bính-tý, 1516 nhà Lê đặt lịnh thưởng những người bắt được các tướng giặc Trần-Cao.

◆

Ngày 14 tháng 9 năm Tân-tỵ — Chủ-nhật — 2 Novembre 1941

Ngày nay năm Qúi-dậu 1873, Đại-úy Francis-Garnier cùng hai chiếc tàu và 56 người thủy-thủ tới Hà nội.

◆

Ngày 15 tháng 9 năm Tân-tỵ — Thứ hai — 3 Novembre 1941

Ngày nay năm Nhâm-tuất 1742 quân Giặc Hẻo thua ở Kinh-cầu (?)

◆

Ngày 17 tháng 9 năm Tân-tỵ — Thứ tư — 5 Novembre 1941

Ngày nay năm Nhâm-thân (1932) có bão lớn ở Trung-kỳ: miền Tam-quan, Bồng-sơn, Déji, Phù-mỹ, Phù cát bị hại lớn, nhân-dân rất khốn-khổ, đến hơn 300 người thiệt mạng.

Ngày nay năm Tân-tỵ (1821) J. B. Chaigneau (vua Gia-long đặt tên là Nguyễn văn-Thắng, chúa Tàu Long) được Chính-phủ Pháp phong làm Lãnh-sự ở nước Nam.

◆

Ngày 18 tháng 9 năm Tân-tỵ — Thứ năm — 6 Novembre 1941

Ngày nay năm Đinh-dậu (1777), chúa Huệ-vương Nguyễn Phúc-Thuần bị quân Tây-sơn đuổi đến thành Long-xuyên (Nam-kỳ), bị hại.

Long-Điền NGUYỄN VĂN-MINH

Cùng các bạn đọc chưa trả tiền báo

Bản chí xét sổ lại thấy còn nhiều bạn đọc xuốt từ số 1 đến nay vẫn chưa trả tiền báo cho. Vậy giám mong các ngài kíp mua mandat gửi ngay về để tiện việc sổ sách. Đa tạ trước.

TRI-TÂN

Dẫn dải bài văn tế

Tiếp theo trang 18

bệ-hạ thăng-hà, hương hồn sẽ theo đám bạch-vân mà về đế-hương (trên trời).»

40 Quảng-bình, Quảng-trị, Quảng-nam, Quảng-ngãi và Thuận-hóa (Thừa-thiên bây giờ).

41. Đèo núi Hoành-sơn giữa Hà-tĩnh và Quảng-bình.

42. Ngọ, vị thân, dậu tức là những năm 1798 đến 1801.

43. Đạo Phật tóm có hai chữ «sắc, không».

44. Can qua phủ định: vừa mới kết-liễu cuộc chiến-tranh.

45 Đường Nghiêu làm vua từ năm 2357 trước T. C., rất nhân-từ độ-lượng. Ngu Thuấn làm vua từ năm 2285 trước T. C. Trong hai thời-đại này, thiên-hạ thái-bình. Vua Vũ khai-sáng nhà Hạ, lên ngôi năm 2205 trước T. C Vua Vũ chia một năm có 24 phần, mỗi phần 14 hay 15 ngày. Vua Thang khai-sáng nhà Thương. Ý nói hồn-phách được yên-ổn còn hài cốt thì được nhà vua trông nom tử-tế.

46. Thái-bình thịnh-trị.

47. Ngôi báu và tộ-vận nhà vua

NHẬT-NHAM

Ô-tô, nhà lầu, vợ đẹp, con khôn, tiền của nhiều...

Đó là cái mộng tưởng của hầu khắp mọi người.

Muốn có cơ dễ đạt cái mộng tưởng ấy, chỉ có một cách

mua vé số

ĐÔNG-PHÁP

1$00 một vé

HUYỀN-TRÂN CÔNG-CHÚA

(Truyện lịch-sử bằng thơ)

SỐ 2

NGUYỄN ĐAN-TÂM viết

Xót phận gái nghĩ mình liễu yếu,
Ơn quốc-gia, trung hiếu đôi đường.
Thề xưa còn một mảnh gương,
Rồi đây muôn dặm biết phương trời nào!
Trùng-phùng họa kiếp sau xin hẹn,
Bẻ chữ tình cho vẹn chữ trung.

Chiêm-thành non nước chập-trùng,
Xe loan lận-đận theo chồng phải đi.
Chốn biên-giới, lâm-ly giọt lệ,
Trông trời Nam nhạn lẻ chân mây.
Nhạn-môn-quan phải chốn này,
Lòng như lòng kẻ đi đày viễn - phương?
Chiêu-quân khóc Hán - vương thuở trước
Chờ viện-binh, nhạn lạc phương nao?.

Ngàn tây gió cuốn ào ào,
Bụi hồng tưởng bóng anh-hào ra roi,
Tiếng nhạc ngựa mấy hồi văng-vẳng,
Lòng tàn theo ảo-tượng chua cay!
Đồ-bàn khói ngất thành xây,
Khói sương u-ám, lệ đầy trong tâm.

Khi dưới trướng, âm-thầm với bóng,
Lúc lầu trang, trông ngóng mây bay!
Lồng son, cóng nước trong đầy,
Vui ca con én qua ngày đợi mong...
Kiếp-lệ đã vào trong vương-giả,
Đền cho xong cái nợ chuân-triên.
Phim thần đã lỡ cung duyên,
Mái chèo trần-hải mấy phen ba-đào!
Thôi phó mặc con trào trôi xiết,
Bến tương-lai mờ-mịt chân trời...

Nén lòng ngăn giọt lệ rơi,
Gượng vui cho lãng quên người xa-xăm.
Nay yến-tiệc, mai chăm trang-sức,
Đem màu tươi dệt bức tranh đời.
Dối lòng, lòng cũng nguôi nguôi,
Yên trong bổn-phận cho rồi ngày xanh.
Ai ngờ giữa bình-minh êm-ả,
Phút trạnh lòng: vội-vã quân tâu
Rằng « qua một quãng rừng sâu,
« Mải-mê Ngài Ngự cưỡi đầu voi săn.
« Cung thần đã dương căng tay ngọc,
« Cả tòa vàng phút chốc đổ nghiêng!
« Kinh hoàng đến cả rừng thiêng,
« Vì đàn thú dữ, thiệt riêng anh-tài! »
Đau-đớn nhẽ một đời oanh-liệt,
Để sợi mây oan-nghiệt thắt ngang.
Tay cầm tay, lệ đôi hàng,
Bấy lâu hờ-hững bẽ-bàng với ai...
Ơn lượng cả như trời, như bể,
Duyên tóc-tơ chẳng để bạc đầu,
Tình sâu mong trả nghĩa sâu,
Quyết đem tàn-mệnh liều theo Chiêm-hoàng.
Quỳ dưới gối long-sàng thần-thức,
Suốt năm canh túc-trực bên người.
Bỗng nhiên thánh-đế thở dài,
Tay run-run vẫy ghé tai nhủ thầm...

Mặt rồng ủ, lệ đầm chan-chứa,
Rằng : « Thương nhau để lỡ cuộc đời.
« Ái-ân chửa mấy năm trời,
« Đầu xanh đã hóa ra người vị-vong !
« Tục Chiêm-quốc lại không thể xóa,
« Mỗi tiên-quân ngự-giá thăng-hà,
« Xưa nay lệ-định hoàng-gia,
« Hỏa thiêu tất cả các bà Hậu, Phi.
« Ái-khanh có tội gì ta nỡ,
« Một cành xuân bẻ dở cho đang.
« Kiếp xưa tu đã lỗi đường,
« Thề muôn hạnh-phúc cho nàng đinh ninh.
« Trẫm đã cầu tinh binh một đội,
« Xin vua cha cho tới Chiêm-thành,
« Gia-uy đánh tháo cho mình,
« Suối vàng trẫm được thỏa linh ơn nhờ.
« Còn mẫu-hậu phương xa mong đợi,
« Còn Thái-hoàng một tuổi một cao.
« Thương nhau xin nhớ lời nhau.. »
Thương ôi, lời ấy là câu cuối cùng !
Trên giá nến giọt hồng lã-chã,
Ngoài cấm-thành chim lạ cầm canh.
Đá, cây, chất núi quanh thành,
Quạnh-hiu tháp lạnh rùng mình đêm khuya.
Nơi hồ-cứ bãi bờ hoang dã,
Núi long-bàn nga-ngả vách xiêu.
Bơ-vơ lòng giữa tịch-liêu,
Hắt hiu ngọn nến gió vào đâu đây ..
Lòng như mảnh trăng gầy mòn-mỏi,
Đêm lại đêm còm cõi vẻ xanh !
Khóc than vật-vã nỗi mình,
Cớ chi trời cũng bất-bình tuôn mưa ?
Rồi sấm. chớp gió lùa sôi nổi,
Chuyển phong-sơn, vang dội hành-cung.
Sét vang cũng chẳng sờn lòng,
Giật mình sao bóng... Khắc-chung chốn này ?
Trong ác-mộng chắp tay van lạy,
Để yên tôi thác với Chiêm-vương.
Thề xưa chót đã lỡ-làng
Lai sinh đợi kiếp, hẹn chàng mai sau.

Lời tầm lệ trong câu vĩnh-quyết,
Cơn mê-hoàng chẳng biết gió mưa
Thế rồi một cánh buồm xa,
Sương mờ ánh nước, trăng tà lênh-đênh.
Tỉnh giấc mộng bên mình tráng-sĩ,
Bâng-khuâng lời hải-thệ, sơn-minh.
Chiếc thân, chiếc lá bồng-bềnh,
Dạt trôi biết mấy chung-tình cho cam !
Ngán nông-nỗi phù-trầm sự thế,
Hẹn ba sinh đã để vô duyên !
Phím đàn hờ-hững tay tiên,
Bạch-đầu một khúc biết nên chăng là ?
Mái tóc thề, khăn sa một tấm,
Mảnh giáp-bào lệ thấm từng phen.
Kéo dài một giấc triền-miên,
Ai đem cay đắng ủ men rượu tình :
Con thuyền lặng, mông-mênh trời nước,
Giữa bến lòng ai buộc giây neo ?
Muôn ngàn thâm-tạ ơn nhau,
Hai thân biết đã mái đầu hoa râm !
Người tựa cửa đăm đăm một cõi,
Kẻ lạc khơi trông rõi bốn phương...
Mấy lần kề bóng đêm trăng,
Mấy lần kể lể tình thương, nỗi nhà
Thế rồi... con thuyền mơ bến cũ,
Gió thổi về đất tổ, quê cha.
Sân Lai rầu-rãi nắng, mưa,
Quạt nồng, ấp lạnh, xót-xa phận hèn !
Mừng hai cỗi thông huyên tươi-tốt,
Thỏa chiếc thân phiêu-bạt long-đong.
Vườn xưa hoa nở đầy hồng,
Lầu xưa dìu dặt tơ đồng nối giây.
Duyên xưa chén rượu đầy nâng rót,
Lòng quyện lòng nghi-ngút khói hương.
Se tơ nếu chẳng vội-vàng,
Ruột tằm đâu có còn vương đến rầy !
Muôn sắc tươi cờ bay phất-phới,
Pháo nổ ran, trống nổi mặt thành.
Nghĩ điều phu quý, phụ vinh,
Trượng-phu thoắt đã động tình tha hương.
Ơn vua cha, chiếu ban sắc-chỉ,
Cho vinh-quy thăm lễ mộ-phần...

(Còn nữa)

NGUYỄN ĐAN-TÂM

Một việc cần nên khuyến-khích

Tiếp theo trang 2

quyển sách giá trị ra đời, thì hàng xã lại được trích tiền quỹ ra mua để bày vào thư viện.

Bấy giờ, tổng lý trong hạt Hưng yên hễ người nào có nhiều công trạng trong khi thừa hành công vụ, thì được thưởng bằng sách. Nhờ thế, tổng lý và dân gian biết qua được các điều cần thiết về địa dư, chính trị và lịch sử...

Tại Bắc giang, đã có lần cho xe vận tải sách vở báo chí về các nơi hẻo lánh cho dân thuê một giá rất rẻ. Các xe ấy gọi là « thư viện luân chuyển ».

Nhưng muốn cho giáo hóa sớm được phổ cập mọi nơi, ta cần phải gây ngay cái mầm ham đọc sách báo trong óc các bạn trẻ để khi họ nhớn lên, quyển sách, tờ báo sẽ là bạn thâm giao, không một sức gì chia lìa được.

Muốn cho mùa thu được nhiều hoa mầu, ta phải sang sửa, vun sới cây cối ngay từ mùa xuân.

Vậy muốn đào luyện trẻ em trở nên các độc giả trung thành, cần phải lập nhiều thư viện nhi đồng, mở nhiều phòng đọc sách trang hoàng lịch sự, khiến trẻ em tưởng tượng như mình đương ngồi chơi ở một nơi vui vẻ hứng thú mà không chán nản!

Các thư viện to của các thành-phố, nếu mở rộng phạm vi cho các trẻ em lui tới, sẽ gây được cho họ cái tính hiếu học và thường nhật sẽ chèo kéo được họ niềm nở vãng lai.

Tại các học đường, cần nên khuyến khích lập thư viện. Thư-viện các học đường sẽ có nhiều kết quả hay, nếu chịu mở rộng phạm vi không những chỉ để cho mượn sách, mà còn mở phòng đọc sách báo để tiếp các học sinh nam nữ nữa. Như vậy thư viện học đường sẽ thành một nơi hội họp thân-thiện để các trò trao đổi ý kiến. Việc quản trị sẽ giao cho một nhóm học sinh có bảo đảm, liên-đới trách nhiệm, dưới quyền kiểm-soát của các giáo viên...

Một khi học đường đã có thư-viện, thì trong chương trình sơ-học, cũng nên dành vài giờ trong tuần lễ, cho học sinh tới thư viện học đường xem sách, báo, và ghi những ý kiến hay, những cảm tưởng tốt trong khi lui tới nơi đó. Được như vậy, việc học sẽ tấn tới không cùng!

Đối với các trẻ em đương tuổi ham chơi, việc đọc sách là một điều bó buộc. Vì những cuộc chơi đùa lúc nào cũng hiện ra trước mắt, thì họ còn thiết đâu đến sách-vở là những món có ích và thanh-cao? Vậy cần phải chịu tốn công lắm mới gây được cho trẻ em tính ưa chuộng xem sách. Được như thế tức là giúp một phần to trong việc mở mang trí xét đoán, chí tự-lập, lòng kiên nhẫn và tài bồi cho nền đạo đức trẻ em.

Vậy làm cho quyển sách hoặc tờ báo được trẻ em luyến mộ tức là một bước đầu trong vấn đề giáo-dục, mà các phụ huynh không thể không quan tâm, để đi tới mục-đích.

Một, khi tính ham đọc sách, báo đã thành thói quen thì trẻ em sẽ không mấy khi chịu rời chỉ hướng, sẽ trở nên những độc giả trung-thành của tương lai, sẽ là những độc giả chân chính biết lựa chọn các sách, báo hay mà đọc.

Mấy thiển kiến trên đây nếu được thực hiện, thì chúng tôi tin nghề làm sách làm báo ở nước ta sẽ có một tương lai rực rỡ, mà trình độ văn hóa nam việt cũng sẽ tăng tiến và có vẻ khả quan.

NHẬT-NHAM

Sử-học luận đàm

Tiếp theo trang 4

Nước Văn-lang ấy tức là nước Việt lê-thuộc Sở-quốc.

Vua Văn-lang — Hùng-vương — phải là đồng họ với vua Sở : *họ Mị*.

Con gái vua Hùng-vương là Mị-nương (cô con gái họ Mị).

Quốc-sử đã chép đúng!

Quốc-sử chép : An-dương-vương lấy được nước Văn-lang đổi quốc-hiệu lại là Âu-lạc.

Trên kia, sách *Dư-địa chí* bảo : *Người Việt và người Âu-lạc đều thuộc họ Mị cả.*

An-dương vương họ Mị. Con gái ngài, quốc-sử gọi Mị Châu là đúng.

Mị Châu là nàng công-chúa *họ Mị, tên Châu* hay *tên Lan Châu* như sách *Việt-kiệu chí* của Tàu bảo cũng được.

Chớ không phải như ông Lê Văn-Hòe bảo : « *Lan Châu* là tên thật, còn *Mị* là tiếng tôn xưng ».

KIỀU THANH-QUẾ

SÁCH KHẢO - CỨU VỀ PHẬT - HỌC

Trong năm nay, nhà soạn sách Phật - học Đoàn - trung - Còn có xuất-bản được bốn quyển sách rất có giá trị. 1·) Chuyện Phật đời xưa kể nhiều đời trước của đức Phật một cách rất thu vị, *giá 1p 00*; 2·) Du lịch xứ Phật thuật chuyện mạo-hiểm của một người nước Anh đến xứ Tây-Tạng, *giá 0p.90*; Pháp-giáo nhà Phật luận giải những vấn-đề siêu việt như Thánh, Thần, linh-hồn, quả báo với những phương pháp thoát khổ, *giá 1p 10*; 4·) Na-Tiên Tì kheo kinh tức là sự luận đạo giữa vua Di-lan-đà với nhà sư Na-Tiên, *giá 0p 80*. Mấy quyển ấy khảo-cứu theo kinh xưa điển cổ gốc chữ Phạn và chữ Ba-lị. Giáo-chánh rất kỹ. Qui ngài gởi mandat mua sách xin phụ thêm mười phần trăm làm cước phí Cũng gởi lãnh hóa giao ngân. Có ít nhà đại-lý tại Hanoi, Huế, Phnompenh.

Thơ-từ : M. Đoàn-Trung-Còn 143, Pae de Louvain, Saigon

Các bạn hãy hỏi ở hiệu sách Đông-tây, 195 hàng Bông Hanoi

1) *ĐỜI TAI HOA (lịch sử và văn chương cụ thủ khoa Nguyễn-ham-Ninh) bạn đồng thời với cụ Cao-bá-Quát, Tùng thiện-Vương, giá* 0p,35
2) *TIẾNG GỌI ĐAN tập văn luận thuyết của ông cử Dương-bá-Trạc, giá* 0, 30
3) *NET MỰC TÌNH tập thơ của ông cử Dương-bá-Trạc giá* 0, 30
4) *CHIÊM-THANH LƯỢC KHẢO của bà Huỳnh-thị-Bảo Hòa giá* 0, 30

1) *VỊ TIỀN* giá 0p,25
2) *TRỊNH GIA CHÍNH PHẢ* — 0, 40
3) *HÙNG YÊN ĐỊA CHÍ* — 0, 80
4) *BẮC GIANG ĐỊA-CHÍ* — 1, 50
5) *GƯƠNG LUÂN LÝ* — 0, 15

Đều là những tác phẩm rất có giá trị của ông Nhật-Nham Trịnh-như-Tấu, tham-tá phủ Thống-sứ Hanoi

Mua cả 9 quyển, cước chung là 0p,63 — Mua 1 quyển thêm tiền cước trừ 0p,08 đến 0p,45

SẮP CÓ BÁN Sách của QUỐC HỌC THƯ XÃ

THI NGHỆ

(LƯỢC-LUẬN VỀ THƠ VÀ NGHỆ-THUẬT LÀM THƠ)

Tất cả các bạn làng thơ (cũ và mới), các bạn yêu thơ, các bạn sắp bước vào làng thơ đều phải đọc Thi-Nghệ. Muốn hiểu thơ để yêu thơ hơn, muốn thưởng-thức thơ và tài-nghệ của các nhà thơ cũ như Nguyễn-Du, Yên-Đỗ, bà huyện Thanh-Quan... của các nhà thơ mới như Thế-Lữ, Lưu-Trọng-Lư, Thao-Thao v. v. các bạn phải đọc Thi - Nghệ của Văn-Học.

ĐƯƠNG IN

TÂM NGUYÊN TỪ-ĐIỂN

Tinh-Hoa của ngôi 100 bộ kinh, chuyện, kết quả của mấy năm trời khảo-cứu văn-học từ-ngữ, rất nhiều tài-liệu, điển-cố cần biết cho nhà văn, có chua chữ Hán.

Mua sách đặt sách do nơi

M. LÊ-VĂN-HOÈ

Giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ
16bis Rue tien - tsin Hanoi

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoái-Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sích bệch đái hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50 đồ vào cửa mình là khỏi rứt. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC « CAI HỒNG-KHÊ »

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được mỗi ngày hút một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p.20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường, thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Giấy thép buộc ngang giời. Thuốc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ ! Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ứng nghiệm, vì ai bị lậu không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p.60 cũng rứt nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rứt nọc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu đâu cũng biết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục : 75 Phố Hàng Bồ. *Chi nhánh* 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.
Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh

Imp. spéciale du Tri Tân Administrateur-gérant: Dương-Tự-Quán